

TRI TÀN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghề triều Lê (IV)

Nguyễn văn-Tổ

Tài-liệu để đính-chính những bài
văn cổ (IX)

Ứng-Hoè

Một đạo dụ của vua Quang-Tự
nhà Thanh

Biệt-Lam Trần-huy-Bá

Độc quyền « Nguyễn -trường-Tộ »

Kiều-thanh-Quế

Lý Chiêu-Hoàng (kịch lịch-sử bằng thơ)

Phan-khắc-Khoan

Nam-dương quần-đảo

Nhật-Nham

Trước khi tranh giải thể-thao...

Hoa-Nam Phan-kỳ-Nông

Những ngày lịch-sử trong tháng

Décembre (II)

Long-Điền Nguyễn-Văn-Minh

Tả-quân Lê-văn-Duyệt

Nhật-Nham

Thoát cung vua Mạc (IV)

Chu-Thiên

Phê-bình văn-học

Hoa-Bằng

Phong dao chia loại

và giải nghĩa (VI)

H. B.

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6\$80 — 6 tháng 3\$50 — 3 tháng 1\$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC

HOA - BẢNG

NỘI trong các thứ nghệ-thuật, văn-học đáng kể là có tư-cách giá hơn hết và có ý-vị sâu-xa hơn hết. Văn-học chẳng những ban cho người ta những món học-thức và trí-tuệ, mà lại giúp cho thoát khỏi những cái kém-cỏi, thô-lỗ, thấp-hèn...

Văn-học chẳng phải chỉ riêng đứng về giai-cấp trí-thức, song cũng thuộc về quần-chúng nữa.

Văn-học là bạn-hữu thân-mật của hết thấy mọi hạng người; là món sinh-hoạt hằng ngày phải cần dùng đến. Nó kể cho ta những chuyện cổ-tích truyền-lọng từ đời nọ qua đời kia, nó kể cho ta những vở kịch hi-kỳ kinh-ngạc, nó trình-bày với ta hoặc những nghị-luận cứng-cỏi danh-thếp, hoặc những tình-cảm chan-chứa sâu-xa, hoặc những lý-luận có hệ-thống, có phương-pháp....

Tùy theo tâm-ý của quần-chúng, văn-học cung-cấp cho mỗi người riêng một phương-diện, cho nên chính bản-thân nó đặt lên được đến địa-vị tột cao.

Kết-quả của sự nghiên-cứu văn-học lấy ra một thứ phê-bình có hệ-thống và tạo thành một loạt nhà phê-bình chuyên-lâm nghiên-cứu văn-học.

Giá không nghiên-cứu thì không thể phê-bình. Giá không phê-bình cái đã nghiên-cứu thì cũng không gọi là biết được

tinh-tường, thấu-triệt, đến chốn đến nơi. Cho nên phê-bình và nghiên-cứu thường vẫn đi đôi, chứ không thể lìa nhau được.

Qui-tắc dùng để phê-bình cũng không trọng yếu cho lắm. Vì mỗi thời-đại có qui-tắc của một thời-đại, mỗi dân-tộc có qui-tắc của một dân-tộc, thường thường đổi thay, chứ không phải theo một qui-tắc nhất-định nào cả. Điều cần nhất là nhà phê-bình phải cố giữ có con mắt công-bình, đúng-chắc, quán-xuyến, phải có tấm lòng thành-thực, đồng-tình và tối-kỵ là có thiên kiến.

Tài-liệu của nhà phê-bình là tác-phẩm văn-học; mục-dích của nhà phê-bình là vận-động văn-học; trách-nhiệm của nhà phê-bình là chẳng những thẩm-định giá trị hơn, kém của các tác-phẩm văn-học, mà lại cốt quan-sát cái xu-hướng của nghệ-thuật và văn-học, rồi vận-dụng cái ngón cao quý của nhà phê-bình.

Ở Tây-phương, người ta nói về phê-bình đã nhiều lắm.

Lucien Bulusfeld có nói: « Không bao giờ được dùng sự thù-hằn vào việc phê-bình... Khi phê-bình, trung thực là một đặc sắc rất hiếm. Trung thực khi người ta nói những điều đã nghĩ, hoặc đừng nghĩ trắng lại dệt ra đen; song thế cũng chưa đủ. Trung thực là sự cố sức để nghĩ cho đúng ».

Ý nói: phê-bình phải cốt thật thà, chứ đừng nhìn đối

tượng bị phê-bình bằng con mắt thù ghét hoặc thiên lệch.

La Bruyère cũng viết: « Phê-bình là một nghề mà người phụng sự nó cần có nhiều lực hơn nhiều trí, cần làm việc nhiều hơn cần có học lực cao, cần tập-quán hơn cần thiên tài ».

Thế là La Bruyère cho rằng trong nghề phê-bình, trước phải cần có những tư cách như lực-lượng, sự làm việc và thói quen, rồi mới đến trí khôn, sức học và thiên tài.

Nhưng vì người ta ít khi cầm vững ngòi bút phê-bình cho được công chính, nên nhìn đến cảnh tượng phê-bình, nhà học-giả Gustave Lanson đã phải lên tiếng phản nản: « Hiện thời thế văn phê-bình đương gặp hồi khủng-hoảng. Hầu hết trên mặt báo chí, thế văn phê-bình đã phải nhường chỗ cho thế văn phóng sự... Vì tình bạn-hữu, người ta khen; vì sự thù-hằn, người ta mạt sát... »

Phàm những nhà phê-bình chân-chính đều phải có tinh-thần này: bụng-dạ phải rộng-rãi, thái-độ phải thẳng-thắn, công-bằng. Khi phê-bình, phải căn-cứ vào cuộc tiến-hóa của văn-học, phải vận-dụng tinh thần khoa-học cho hợp với nhu-cầu của thời-đại.

Nhiệm vụ của nhà phê-bình là phải đem tác-phẩm văn-học và vận-động văn-học tối-tâm mà giới-thiệu cho đồng-bào. Đồng thời, nhà phê-bình lại phải dùng phương-pháp phê-bình thích-đáng để gây hứng-thú và mùi-mẽ cho đa-số độc-

Xem tiếp trang 23

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ số 9

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XXVI

Thầy đồ dạy học (1)

(Bài phú của Nguyễn - Khuyến,
Tam-nguyên Yên-đồ)

BỐN công kê giường, ba
chồng cặp sách; cơm
trắng canh ngon, giường
cao chiếu sạch; chữ « thánh
phủ », câu « thiên tích »; chậu
thau rửa mặt tắm vào tắm vênh,
diều sừ long đờm cóc-ca cóc-
cách; thần Kiêu-kỵ xôi gà tùy
thích, ông đã nên ông, bút Nam-
sang oản tể chẳng từ, khách thi
mặc khách.

Nguyên phủ thầy đồ đã, râu-
ria nhẵn-nhụi, mặt mũi ngông-
nghênh; văn pha Nguyễn-mặc,
sách học Quan-hành; số tử-vi
Tuần Tịch đứng đầu, qua vòng vận
hạn, đất văn-học thần đồng phụ
nhĩ, mới bước công-danh.

Nhiên nhi bụng lính tính quan,
khôn nhà đại chợ; chơi đã
hoang-toàng, tính hay sàm-sửa;
một tháng lương non, cầm gan
thóc nợ. Vách ông Không còn
hòm khoa-dầu, mở một vài con,
ngõ thầy Nhan treo túi đàn bầu,
bảo năm ba đứa. Nón sơn úp
ngực, đi liêu đi liêu, bút thủy
cài tai, sường chưa sường chữa!
Nghĩ đến sênh nhà ra thất nghiệp,
cũng bật buồn cười: ô hay ngồi
mát ăn bát đầy, có muốn không
hử?

Rằng: « tôi nhà chủ, xin đón
thầy ngồi ». Giầu nước đoạn,
rượu chè rồi, bàn tiền đón, tính
công nuôi. Chủ rằng: « Đạo
Thánh là đạo rộng ». Sư rằng:
« Tùy ông còn tùy tôi ». Mặt chữ

diền vác hần lên trên, nét đầu
có nét; chiếu hàm-trượng tốt
ngay vào giữa, ngôi đã nên ngôi.
Mĩ hi ông đồ ông lẽ, học trò học
trệt, chơi nghịch bằng ma, đòn
đánh như kết; bộ sử đầu, pho
Dương tiết; hời mẹo lục kỳ, ra
bài tam kiệt; chữ tứ thê đã nhận
thừa bốn lối, nét rần như đánh,
sách thập khoa đã nhớ đủ mười
bài, văn trơ những thép.

Mô tê rảng rúa, đã dả chi
hồ; hoặc cầm roi nhĩ quát tháo,
hoặc diêm sách nhĩ ngắt câu.
Sừ-tiên-ban sừ-tiên-cung, bắt
khoan bắt nhật, tiền diệp tặc,
hậu diệp tặc, tiếng nhỏ tiếng to
(2). Thầy dốt kinh khôn, ngay
quay ra góc, tiền lầy rượu cần,
hiền quá hóa ngu; nước chè Tàu
tuôn một vại hơi, mặt cán tàn
chi hướng, thuốc lá tỉnh hút năm
ba khói, đầu tán lọng chi dù.

Nhĩ kỳ xem chữ xem văn,
diêm bài diêm đối, lên mặt thầy
sồ như bầm bầu, bưng mắt chủ
khuyến như lời tời. Hạ bút
xuống nào tô tô diêm diêm, mực
trát đen sì, dờ bải ra những đọc
đọc ngâm ngâm, son hòa đỏ chói.
Đánh trống qua cửa nhà sấm,
đem chuông đi đấm nước người;
gắt như con khỉ, cười như đười
ươi; rượu tít cung thang, trặc ba
hoa chi miệng, văn gàu bát sách,
rung chữ ngũ chi đùi. Xin rước
thánh nhân về, đem kinh truyện
rũ vài thiên sách cổ, ước chỉ nhà
chủ bận, hoãn tháng ngày cho
rộng lúc đi chơi.

Dĩ nhi khăn chít đầu riu, quần
buông lá tọa; vuốt bụng nằm
mèo, nghe rặng nói quạ, cổ cò

ngóng gỏi, phụng thỉnh Như-lai,
tay vệt vẽ bùa, phỏ lộ thiêu hóa.
Cầm quyền sách ngũ gà ngũ vịt,
dầu canh hai đã chực đi nằm,
bước ra ngoài mắt trước mắt sau,
cổ bàn nhất toan ngồi đánh cã.

Cũng có lúc việc làng việc họ,
về cửa về nhà, bàn đương-dởm,
tính phủ trà; sư nèo cổ thêm
răm tiền nữa, chủ kỳ-kèo đem
mấy đồng ra; ruột tượng thất
lưng nguyên đồ rận đối, khăn tay
giắt rốn rất giống cau già. Vợ con
mừng thầy cháu đã về, đầu nhà
quẹt mách, cha mẹ ước con ta
hầu tời, trước mặt nhện sa. Cự
nổi người mặt nước chân mây.
miệng canh chén choàng, kể
chuyện chủ đầu cua tai ếch,
chén rượu hề-hà.

(Trích ở Quốc-văn tùng-ký,
sách viết bằng chữ nôm của
trường Bắc cổ, số A B 383, quyền
hạ, tờ 14 a-15 a.)

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo
mực, rất tinh tường, ai muốn
biết rõ, thì xem sách: VIỆT-
NAM VĂN - PHẠM của ông
Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng
chư Phật và chư Bồ-tát, cùng
cách bày đặt các tượng ở các
chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc
quyển PHẬT - LỤC của ông
Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Juin 1940)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord »
133 phố Hàng-bóng Hanoi và các
nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 —
Bản quốc âm 2p.50.

Số xuân Tri-Tân (Nhâm-ngọ, 1942)

Bài-vở, do những cây bút đứng-dẫn viết ;
Trình-bày, do họa-sĩ Trịnh-Vân trông-coi...

——Tri-Tân, số XUÂN NHÂM-NGỌ này, từ tinh-thần đến ——
——hình-thức, sẽ làm vừa ý các bạn đọc thân-yêu.——

XXVII

Nam công cánh phượng

Đá ấy là xương, cỏ ấy lông,
Giới nam đứng giữa, gọi Nam-công.
Kìa giai bóng rợp, dân muôn dặm,
Dương cánh che phò giới chín trùng.
Lóng-lánh kiền-khôn thế-giới,
Nghênh-ngang xuân, hạ, thu, đông.
Đã nên cảnh vật ngoài điện-dã,
Ngóng chờ trông về đất nổi rồng.

(Trích ở Quốc-âm thi-ca tạp lục,
sách viết bằng chữ nôm của Trương
Bác-Cổ, số A B 296, tờ 17a).

XXVIII

Nam-sang Võ-nương

Lơ-thơ cỡ miếu xóm đầu ghềnh,
Lời đầy thương nàng nỗi cách sinh.
Bát-ngát hồn hoa khi nhặt phần (3)
Bảng-khuông phách quế thuở gieo
doanh.
Dở-dang thêm tủi oan lòng thắm !
Tất-lả nào khuấy trách bóng xanh !
Dù nhần chế chàng chẳng ý chớ,
Còn giới, còn đất hầy còn danh.
Trích ở Quốc-âm thi-ca tạp-lục, tờ
17b-18a) (4).

XXIX

Dật-thú

Lắm chớm che sương một tấm nhà,
Nửa thì làm liễu, nửa làm hoa.
Lon-xon quét-tước vài thằng trẻ,
Lích-kích com canh một mụ già.
Đạo nhuộm tặc màu vui khi-khôm,
Rượu tiên vài chén thở hi-ha.
Chờ khi gió mát giăng thanh tổ,
Lại một mình ta biết sự ta.

Nghìn dặm quan san nẻo khối nhà,
Trường-an lắm khách ngụ đây la ?
Và gian lều dột giăng thầu,

Nửa bức rèm thưa gió qua.
Những ước công-danh nên thuở trẻ,
Nào ngờ tuổi-tác đã ban già ?
Thế-tình ai nấy đã khinh-dễ,
Còn trông chẳng con nó gọi cha !

Một nén hương thơm một chén trà,
Lấy làm xong vết thánng ngày qua.
Nhạn đem thu tới sân đầy tuyết,
Anh quẩn xuân về cửa rất hoa.
Giật trường ngày thanh kìa thiếu nữ,
Dòm song đêm vắng họ Hằng-nga.
Năm ba phiến sách son cùng mực,
Truyền đề cho con ấy của cha.

(Trích ở Quốc-âm thi-ca tạp-lục,
tờ 18a — 19a)

Vịnh kính thi

Đắc giọt khen ai khéo dựng xong,
Kiền khôn muốn tượng ngụ đầy trong.
Khuôn tròn vắng-vắng cung giăng
hiện,
Thức bạc dời-dời vưng tuyết đóng.
Lánh khách bại hồng khi gấm phủ,
Tổ người mặt ngọc thuở sa song.
Nguyễn xin thánh đức bằng gương
sáng,
Bốn bề đâu là chẳng ngóng trông ?

(Trích ở Quốc-âm thi-ca tạp - lục
tờ 19 a).

(Còn nữa)

Ứng-Hòa NGUYEN-VĂN-TỐ biên tập

1) Chưa ai in những bài này ra
quốc-ngữ.

2) Nói lái và nói thì trào.

3) Có người đọc là : « Bát - ngát
hồn hoa khi đã phần ».

4) Nên đem bài vịnh Võ-thị, viết
vào hồi Lê-mạt (khoảng năm 1650-
1780), so với bài « đề miếu bà
Trương » (tức là Võ-thị) của vua Lê
Thánh-Tôn (1460-1497) chép trong
Việt-thầy.

tham khảo (sách chữ nôm của Bác-
cổ, số A B 386, tờ 2b) :

Nghi-ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Ngọn đèn dầu tắt đừng nghe trẻ,
Làn nước chỉ cho lụy đến nàng !
Chứng quả có đôi vầng nhật nguyệt,
Giải oan chi mượn đến đàn - tràng !
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,
Khá trách chàng Trương khéo phũ-
phàng !

PHẬT-HỌC THƯ-XÁ

Sách nấu đồ chay 71 món	0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bản : chữ Hán, quốc - âm, quốc-văn	0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Vu-lam, Phổ-môn (kinh tụng)	0.40
Sự tích Phật A-Di-Đà	0.20
Phật Pháp võ lòng	0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay	1.00
Đu lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống)	0.90
Triết-lý nhà Phật	1.00
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Na-Tiên Tỷ-kheo kinh (cuộc luân đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư)	0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ chữ vàng.	5.50
Gởi mandat, phụ thêm 10% cước phí.	
Địa chỉ : Monsieur ĐOÀN - TRUNG-CÔNG 143 rue de Louvain Saigon	

Những ông nghề triều Lê

SỐ 4

Ông-Hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

1. — *Nguyễn-Trực* (1417-1473), tên tự là Công-Đĩnh, người ở xã Bối-kê (Thanh-oai). Cha là Thời-Trung, giỏi về phong-thủy (địa lý), thấy ở Nghĩa-bang (Yên-sơn) có đất hay, hỏi con gái họ Đỗ ở làng ấy, làm nhà ở đấy, rồi sinh được ông ở am núi Phật-tích. Ông có khiêu thông minh, bé mà chăm-chỉ: mười hai tuổi đã biết làm văn, mười tám tuổi lĩnh hương tiến thứ nhì ở Sơn-tây. Hai mươi sáu tuổi (1442) đỗ đầu đệ nhất giáp tiến-sĩ, trước là khai-quốc trạng-nguyên (1). Năm Nhân-Tôn Thái-hòa (1443-1454) làm Hàn-lâm-học-sĩ, Võ-kỵ-ủy, rồi được phong làm An-phủ-sứ ở Nam-sách, thăng Hàn-lâm-viện thị-giảng, kiêm Ngự-tiền học-sinh, hai cục thị-cận và thị-ngự-tiền, làm Trung-thư thị-lang, vâng mệnh đi sứ Tàu (2); gặp kỳ thi, ông là bồi-thần, xin ứng-cử, lại đỗ tiến-sĩ cập-đệ, cho nên đời bấy giờ gọi là « lưỡng quốc trạng-nguyên ». Năm Diên-ninh thứ hai (1455), nhà có tang, ông về quê: học-trò bốn phương theo đến học kẻ hàng nghìn. Hết trở, có sứ nhà Minh sang, vua Nhân-Tôn (1442-1459) sai ông làm nhữg vãn-thư đi lại và làm biếu mừng vua Tàu lên ngôi. Vua sai thợ vẽ vẽ tượng ông để bên tả bên hữu. Ông thường đi sứ Tàu có họa 50 bài thơ tiến biệt với sứ nhà Minh. Vua Nhân-Tôn gặp biếc, ông làm vãn tế, bởi rất thương-sốt. Vua Thánh-Tôn lên ngôi

(1460), càng trọng ông về từ-chương. Năm Quang-thuận thứ hai (1461) cho ông làm Tuyên-phụng đại-phu Trung-thư-lệnh, tri Tam-quán-sự, đại-liên-ban. *Quyển Lịch-triều hiến-chương* có sao một bài thơ của ông, dưới bàn rằng: « Xem như thế, có thể tưởng-tượng được cái phong-độ khí-khái của ông ». Năm Hồng-đức thứ tư (1473), thăng Gia-hạnh đại-phu, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, kiêm quốc-tử-giám tế-tửu. Năm ấy mất, thọ năm mươi bảy tuổi. Bình-sinh có làm *quyển Văn-liêu tập* (*Đăng-khoa lục* chép là *Bối-kê thi-tập*). Học-trò thường gọi là « Văn-liêu tiên-sinh ». Ông là người đỗ cao, được trọng-dụng, mà công-danh coi bờ-hững, thường có ý « cấp-lưu dưỡng-thoái », thật là người cao-thượng (theo *Lịch-triều hiến-chương* và *Đại-Nam nhất thống chí*).

2. — *Nguyễn-như-Đỗ* (1424-1526), tên tự là Mạnh-an, người ở châu (hay xã) Đại-lan (Thanh-trì; *Đăng khoa lục* và *Lê-triều lịch-khoa Tiến-sĩ* viết là Thanh-dâm; bia Văn-miếu khắc là Thanh-trì). Ngụ ở Tử-dương (Thượng-phúc) mười chín tuổi đỗ hội-nguyên khoa nhâm-tuất (1442), điện-thí đỗ thứ hai đệ nhất giáp tiến-sĩ, tức là khai-quốc bảng-nghĩa. Mùa đông năm Thái-Hòa quý-bội (1443) làm Hàn-lâm tri-chế-cáo, vâng mệnh làm phó sứ sang nhà Minh để tạ ơn việc sứ Tàu sang tế vua Thái-Tôn Văn-

hoàng (1433-1442). Lúc về, thiên làm An phủ ở lộ Qui hóa. Năm kỷ tỵ (1449) thăng Trục họa sĩ. Mùa đông năm canh ngọ (1450) lại sung làm tổng bộ phó sứ. Năm Diên ninh kỷ mao (1459) là lần thứ ba sang cống nhà Minh và dâng tờ về việc mò hạt châu. Thánh Tôn lên ngôi (1460) yêu mến đạo nho, ông được trọng dụng cử làm thượng thư bộ lại: lúc bấy giờ mới 37 tuổi. Sau làm môn hạ tả tư, tả giám nghị đại phu, tri Bắc-đạo quân-dân bặt-tịch, kiêm hàn-lâm-viện thừa-chỉ học-sĩ, tiến kiêm Lễ-bộ thượng-thư, Cầu-đức điện đại-học-sĩ, Thái-tử tân-khách. Ông làm đề-diệu hai khoa điện-thí, là khoa bính-tuất (1466) và khoa kỷ-sửu (1469), và giữ Thuyên-lào. Mùa đông năm Hồng-đức canh-dần (1470), hổ giá đi đánh Chiêm-thành, không được bao lâu bị tội, rồi lại được vời ra làm ở bộ Lại, vua gia cho làm Thiếu-bảo, kiêm quốc-tử-giám tế-tửu. Được hơn mười năm về trí-sĩ. Mất khoảng năm Thống-nguyên (1526), thọ một trăm hai tuổi. Khoảng năm Thái-hòa (1443-1454) phụng sắc soạn bài văn bia hoàng-thân Võ-mục-công ở miếu Nam-giới; ông có làm một tập thơ, không rõ có còn hay không (theo *Lịch-triều hiến-chương*, quyển 7). *xem tiếp trang 13*

1) *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 3b) và *Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi ký* (sách viết của Bắc-cổ, số A 109, tờ 5b) viết nhầm là « hai mươi tuổi ».

2) Những phẩm-trật chép ra đây, mới xem thì có vẻ rườm-rà, nhưng thiết-tưởng cũng là tài-liệu bổ-ích cho sự nghiên-cứu quan-chế đời xưa,

Mảnh sử - liệu

Một đạo-dụ của vua Thanh có quan-hệ đến trang Việt-sử cận-đại

MUỐN biết cách hành-động của triều - đình Mãn - thanh đối - phó với quân Pháp khi kéo ra lấy Bắc-kỳ lần thứ hai (1883) ra sao? Xin xem một đạo mật-dụ (1) của vua Thanh Quang-tự hạ cho đình-thần hồi đó, ta sẽ có thể biết được chút ít ý-kiến về cách hành-quân của tướng Cờ Đen Lưu - Vĩnh-Phúc ở Bắc-kỳ lúc bấy giờ.

Đạo dụ ấy tạm dịch ra quốc-văn như sau này :

«Hoàng-thượng dụ rằng: Người Pháp đã cùng nước Việt-nam đình ước, tất phải lấy danh - nghĩa là khu trục toán quân của họ Lưu còn đóng ở xứ Bắc-kỳ làm đầu, tất nhiên họ sẽ đem quân bức-bách tới biên-giới tỉnh Điền - việt của ta.

« Hiện giờ toán quân của Lưu - Vĩnh-Phúc đã lui đóng ở Sơn-tây, cách Hà-nội không xa. Vậy dụ cho Từ-Diên - Húc sức lệnh cho Lưu phải kịp tiến quân mà quy phục lấy thành Hà - nội, không được lui binh. Còn tỉnh Bắc-ninh là nơi quân ta đóng chắc ở đó, nếu quả quân Pháp có kéo đến bức đánh, thời phải tức khắc lệnh cho quân-sĩ hết sức kháng chiến, không được trễ-nải.

« Trước kia, Tả-Tôn-Đường có tâu về rằng : Nghĩ sức cho Vương Đức-Bảng phải điều mộ quân ở Quảng-dông kéo sang đóng ở biên-giới Điền - việt, và quyên thâu lương-nhu mọi nhẽ. Vậy dụ cho tuân chỉ thi hành.

« Hiện nay ở biên-giới Quảng-tây, việc biên-phòng sợ rằng binh-lực còn đơn-sơ. Nghe như Vương-

đức-Bảng hiện còn chiêu mộ quân-như ở Vĩnh - châu. Nếu đã họp thành quân-đội, thời dụ cho Tả-Tôn-Đường phải sức ngay cho phiên-ti hạt ấy kịp kéo quân tới ngay ngoài biên-giới Quảng - tây, đề kịp sự nhu-yếu của Tiết-chế Từ Diên-Húc. Bằng đợi sự quyên-nhu của Quảng - đông thì chậm quá, không thể giúp cho lúc đương cấp ấy được. Vậy dụ cho Tả-tôn-Đường liệu mà trừ-định, nhưng phải do tỉnh Giang - nam hết sức trừ-bát, không được đề thiếu ..

« Lữ Sầm-Dục-Anh trước có tâu về rằng : Quân Điền vẫn đóng ở Sơn-tây, đạn-dược tàu-bè có thể đủ giữ vững thành ấy, không rung động di-dịch được. Và thành ấy cách Bắc-ninh không xa, tất phải cố giữ đề làm thế ý-dốc. Đường-Quỳnh hiệu đóng quân trú phòng ở đó, phải tùy thời cơ mà điều hộ. Còn Tuân-phủ ở đấy chưa có chỉ dụ mà đã vội về tỉnh đề đến nỗi trễ nải việc biên phòng, lỗi ấy không còn chối cãi được nữa. Vậy truyền phải cách hết chức, nhưng hãy để cho ở đó đợi xem sau này có làm được việc gì công hiệu không? Bằng lại lui gót không tiến lên được, thì phải theo phép trọng mà trị tội.

« Những dinh phòng của tỉnh Điền không được nhiều, khó bề chi sách. Dụ cho Sầm-Dục-Anh, Đường-Quỳnh phải mộ thêm vài dinh quân nữa, đề cho được dày binh lực.

« Việc thông thương của các nước ở các địa phương, và người Pháp thông-thương cũng thế, phải nên từ thời mà báo hộ, đừng để xảy

ra những sự nhỏ mọn, mà người ta vin lấy đề làm cớ, khiến cho có hại đến nước ta. Thằng hoặc người Pháp có đem binh thuyền tìm vào bờ bến nước ta, thời phải nên chuẩn bị. Dụ cho Tả-Tôn-Đường, Lý - Hồng - Chương, Trương-Thụ-Thanh, Nghê-văn-Uất phải trù-tính cách bố trí, không được coi thường mà chậm chạp.

« Bến Thiên-tân gần với chốn kinh sư, có quan hệ rất lớn. Lý-Hồng-Chương đã trù-biên việc phòng hải mấy năm nay, triều đình cũng ý-trọng vào đó, mà thiên hạ cũng trách bị vào đó. Vậy phải gắng sức giữ gìn, không được còn có ý ủy thác cho ai cả.

« Nay đem mật dụ này báo cáo cho các nơi ngoài 600 dặm đều biết.

« Phải kinh theo dụ này ».

BIỆT-LAM TRẦN-HUY-BÁ

(1) Theo sách Việt-sử bị khảo, do Quế-lâm Lưu Danh Dự biên-tập vào năm Quang-Tự thứ 21. Sách của viện Bác-cổ, số 1326.

Đón coi

Sổ xuân Tri - Tân

Sổ xuân Tri-Tân là một tác-phẩm rất công-phu.

Mỗi gia đình Việt-nam nên có một sổ xuân Tri-Tân.

SO 6

PHONG-DAO

— Chia loại và giải nghĩa —

HOA-BẰNG

Năm canh thì ngủ lấy ba,
Hai canh lo-lắng việc nhà làm-ăn

THỀ phú. Xưa ta chia ban đêm làm năm canh : canh một, canh hai, canh ba, canh tư và canh năm. Nên ta thường nói : « Đêm năm canh, ngày sáu khắc ».

Như trước đã nêu, dân ta có cái đức tính hoạt động, rất đáng quý. Hoạt động cả ngày, hoạt động cả đêm, chỉ trừ những giờ ăn ngủ. Có sống chung chạ với nông dân, ta mới nhận thấy những nỗi làm ăn vất vả nhọc nhằn của họ. Sớm dậy từ gà gáy, quấy quá ngấu nghiến ăn uống cho đủ lệ cái thói quen của dạ dày, rồi già có việc già, trẻ có việc trẻ, ai lo phận sự nấy : hoặc ra đồng làm ruộng, hoặc chầu trâu, hoặc cắt cỏ, hoặc dệt vải..., tới tấp hoạt động suốt từ gà gáy đến nửa đêm ! Cho nên họ khuyên nhau rằng mỗi đêm có năm canh, chỉ nên ngủ trong ba canh thôi, còn hai canh vào lúc chập tối và gần sáng thì nên hoạt động làm việc hoặc lo tính sinh kế gia đình, hoặc làm lụng công này, việc khác...

Chính tôi đã biết một chuyện : một nhà nông kia, vì thức khuya, dậy sớm, hoạt động một cách rất hăng, đến nỗi, có lần, dưới ánh đèn lù mờ, cả gia đình đã ăn một bữa cơm thối lẩn hoa hòe mà không biết ! Nguyên nhà ấy vừa làm ruộng, vừa làm nghề nhuộm giấy vàng. Hôm ấy, dậy từ đầu canh năm, trong bóng nhá nhem, người ta cầm đầu đông gạo,

chẳng ngờ trong đầu còn đựng ít hòe, thành thử cứ trộn cả hòe vào gạo mà thổi nấu. Sáng ra, thấy nồi cơm vàng khè, bấy giờ cả nhà mới biết rằng mình đã ăn một bữa cơm trộn hòe đắng !



Mặt trời tang tảng rạng đông,
Chàng ơi, thức dậy ra đồng
chẳng trưa !

Thề phú. Tang tảng rạng đông là lúc phương đông hazy còn mờ mờ, sắp sáng mà chưa sáng rõ, tức là trước khi mặt trời gần mọc.

Đây là lời người nông phụ đánh thức chồng dậy để làm công việc đồng áng.

Hằng ngày, vợ chồng gia-đình ấy cày sâu, cuốc bẫm, hết sức hoạt động theo tư tưởng trọng nông.

Vì xưa chưa có đồng hồ như ngày nay, nên, ở nơi dân dã, người ta chỉ theo bóng mặt trời mà sinh hoạt : mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì nghỉ. (Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức).

Theo thói quen ấy, người nông phụ kia, khi thấy mặt trời mới rạng đông, đã lay tỉnh kêu gọi chồng ra đồng làm ruộng. Nàng lại không quên kèm thêm mấy lời giục giã : « Đi làm đi thôi ! Đừng chùng chình nữa, kéo trưa bây giờ ! »



Đom-đóm bay ra, trông cá, tra
đổ.

Tua-rua bằng mặt, cắt bát cơm
ăn.

Thề phú. Đom-đóm, có nơi kêu là « đóm-đóm ». Tháng hai Âm lịch là mùa đom-đóm sinh-nở rồi bay ra. Tua-rua là một đám sao li-ti kết thành như hình bàn tay. Những đêm trời quang, mây tạnh, tua-rua thường mọc ở đẳng đông, rồi lặn về đẳng tây. Phong-dao còn có những câu nói đến tua-rua, như : « Tua-rua đã đến đỉnh đầu, em còn đứng lại làm gì cho cha ! Giàu thì chia bầy, chia ba, phận em là gái được là bao nhiêu ! »

Ý nói : nông-dân xem thời-vật mà lo cách hoạt-động trên trường sinh-sống. Thấy mùa đom-đóm bay ra thì liệu tính đến việc trồng cà, trồng đậu; thấy tua-rua mọc đã ngang mặt thì trở dậy thổi nấu rồi lo việc canh-nông.

Nhà nông, mùa nào việc ấy, thường thường hoạt-động không ngừng tay, như tháng giêng thì giồng củ-từ, tháng tư thì giồng đậu củ-cái, tháng chín thì giồng bầu, nên có những câu : « Tháng giêng giồng từ, tháng tư giồng đậu (củ cái) ». Và : « Muốn ăn bầu, giồng đậu tháng chín ».



Vừa đi, vừa đợi, vừa chờ :

Nhanh chân thì kịp, lờ-đờ thì
thời !

Thề phú. Đây là lời người đi trước thúc-giục kẻ đi sau : phải hoạt-động, phải tiến-thủ cho kịp bậc tiên-tiến.

Ý nói : tôi đang nhanh chân bước trước đây, tôi cứ vừa đi vừa chờ-đợi, nếu anh có nhanh-nhẹn hoạt-động, cố-gắng tiến-thủ, thì mới có thể kịp tôi mà cùng nhau thích cánh chen vai được. Ví bằng anh chỉ lờ-đờ lạch-đạch, không chịu hăng-hái tiến bước thì, ôi thôi, anh phải chịu tiếng đi sau bước muộn. lạch-hậu mãi mãi, chứ đừng còn oán trời, trách người gì nữa.

Xem tiếp trang 17

Tiếng dội của bạn đọc

Nói lời ông Hoa-Bằng : phải trọng khoa-học !

Quán tử vụ bản (Khổng Phu-tử)

KHOA-HỌC ! Hai tiếng ấy gọi ra trong trí ta hai tiếng khác : tiến-hóa.

Thế-giới ngày nay là thế-giới của khoa-học. Khoa-học đã đưa thế-giới lên một bước rất dài trên con đường tiến-hóa. Mà trên con đường ấy, nước Việt-nam ta đương ở một chỗ rất thấp ! Những người đã từng quan-tâm đến sự tiến-hóa nước nhà đều đi tìm những kẻ phản-động cuộc tiến-hóa ấy. Người ta thấy là bọn hủ-nho, trong lịch-sử cận-đại. Chính phải. Nên người ta đã nguyên-rửa, mặt sát họ nhiều : Rất chính đáng. Vì cái tội ấy quá to. Nhưng ta phải coi chừng, chớ để cho những tội-nhân kia lại quật dây mà

Sách mới

Bản chỉ mới tiếp được :

1- *Quyền Redressement français et restauration annamite* (công cuộc chấn chỉnh quốc gia ở nước Pháp và khôi phục cổ-điền ở nước Nam) tức bài diễn thuyết của ông Phạm-Quỳnh, Thượng thư bộ giáo dục Huế diễn ngày mùng một tháng chín ta 20 Octobre 1941 có kèm bài đáp từ của quan Khâm sứ Grandjean.

2- *Thi nghệ lược luận về thơ và nghệ thuật làm thơ của ông Vân Hạc*, dày 100 trang. Giá bán 0p. 48

3- *Nụ cười loại sách hoa mai số 6 của ông Nam Cao*, do nhà xuất bản Cộng lực in, giá 0p. 10

4- *Người bạn gái tiểu thuyết của ông Thiệu sơn* do nhà xuất bản Cộng lực in, giá 0p. 80

5- *Hai chị em, tiểu thuyết của ông Nguyễn văn-Phúc*, dày 160 trang giá 0p. 68, do nhà Nguyễn-Du xuất bản.

Xin cảm ơn và vui lòng giới thiệu với các độc giả.

bảo ở lịch-sử cận-đại : « Các người nguyên-rửa, mặt-sát chúng tôi mà không chịu thử rờ lên gáy ! Lỗi chúng tôi, chúng tôi chịu. Nhưng các người cũng phải công-bằng với những kẻ có lỗi như chúng ta chứ ! »

Được sống ở thời-đại của khoa-học, giữa sự ủa-ập của những làn sóng tư-tưởng của cả thế-giới, thiết đáng lấy làm buồn mà nghe câu chỉ-trích có lý trên. Vì thiệt ra câu ấy vẫn có ít nhiều sự thực : Kia hiện nay biết bao những người thiên trọng hư văn, biết bao những kẻ chỉ thờ chữ-nghĩa cá-nhân dật-lạc !

Thành thực mà nhận ngay đi. Dân ta một phần lớn có tánh lười, nhất là về đường tư tưởng, không chịu suy nghĩ, không chịu tìm cho ra cái gốc. Có thể nói : ở đời khoa học mà nước mình ít người có óc khoa học !

Không có óc khoa học, nên xưa ta chỉ học những cái « ngọn » của đạo nho, trọng từ chương phù phiếm ! Không có óc khoa học, nên ngày nay học tây, những bộ óc vu khoát ấy còn nguyên, chưa rửa gột được mấy : người ta đi về ban văn khoa nhiều hơn là những ban có tính-chất khoa học. Người ta chưa có óc thực-tế. Hạng trí-thức ít người có can-đảm làm những nghề bằng tay chân !

Vì vậy cuộc tiến hóa nước nhà mới chậm chạp. Nói một cách cho rõ-ràng dễ hiểu là vì người mình có những bộ óc « vụ mặt » mà không « vụ bản ».

Vậy có thể nói : người có óc khoa-học là người đã bắt đầu tiến-hóa. Muốn tiến-hóa phải có óc khoa-học.

HOÀI-CHI

Tạp trở

Một bác-sĩ đáng khen

TRONG một bệnh-viện to-lớn nhất ở thành Athènes, ông Demetrios, một nhà giải-phẫu trứ-danh, một hôm, mổ một bệnh-nhân bị bệnh đau manh trường (appendicite) kịch-liệt.

Ngay giữa lúc đang mổ, bệnh-viện phát hỏa một cách dữ-đội lạ-lùng.

Còi báo-động kêu inh-ỏi, tất cả các bệnh-nhân đều chạy nạn nhưng bác-sĩ chẳng thể bỏ dở cuộc mổ-xẻ. Chẳng bao lâu, lửa đã bén tới buồng mổ, các ngọn lửa đã tạt vào các cửa và các nữ-khán-hộ cùng các người phụ-tá của nhà giải-phẫu vì chẳng chịu được sức nóng, phải sồn-sao chạy trốn.

Còn nhà giải-phẫu vẫn giữ được vẻ điềm-nhiên mà mổ cho tới lúc thật xong. Ông băng-bó cẩn-thận cho bệnh-nhân và sau rốt ông liền vác bệnh-nhân còn thêm thếp lên vai mà chạy thoát được khỏi buồng mổ lúc ấy đang biến thành lò than hồng.

Thật là một tấm gương chói-lọi về sự can-đảm trong nghề-nghiệp và đáng kính phục biết bao.

Messidor

Mạnh-Phan dịch

Kỳ sau :

Độc « Mực mài nước mắt »
Phạm mạnh Phan

ĐỌC

« Nguyễn Trường-Tộ » của TỪ-NGỌC

KIỀU-THANH-QUẾ

« En fait de critique et d'histoire littéraire, il n'est point, ce me semble, de lecture plus récréante, plus délectable, et à la fois plus féconde en enseignement de toute espèce, que les biographies bien faites des grands hommes : non pas ces biographies minces et sèches, ces notices exigües et précieuses, où l'écrivain a la pensée de briller, et dont chaque paragraphe est effilé en épigramme, mais de larges, copieuses et parfois même diffuses histoires de l'homme et de ses œuvres : entrer en son auteur, s'y installer, le produire sous ses aspects divers ; le faire vivre, se mouvoir et parler, comme il a dû faire ; le suivre en son intérieur et dans ses mœurs domestiques aussi avant que l'on peut ; le rattacher par tous les côtés à cette terre, à cette existence réelle, à ces habitudes de chaque jour, dont les grands hommes ne dépendent pas moins que nous autres, fond véritable sur lequel ils ont pied, d'où ils partent pour s'élever quelque temps, et où ils retombent sans cesse ».

Sainte Beuve — Portraits littéraires

NHỮNG giòng nhận xét về danh-nhân truyện ký trên đây của nhà phê bình hữu danh nước Pháp Sainte Beuve, thật là đầy đủ và quá cầu toàn !

Nếu cầu toàn như Sainte Beuve, tất chúng tôi không hài lòng được với quyển Nguyễn Trường Tộ của ông Từ-Ngọc. Vì chương đầu quyển sách biên tập về đời tư Nguyễn Trường Tộ hãy còn « giản dị » nhiều lắm.

Nhưng chúng tôi bằng lòng cái mỹ ý của ông Từ-Ngọc, trong những chương sau, nhắc nhở cho quốc dân ta nhớ lại những điều sáng suốt, đáng lẽ phải được Triều-đình bấy giờ hoan nghênh lắm, của một người Việt-nam cuối thế - kỷ mười chín.

Nguyễn Trường Tộ — người Việt-nam sáng suốt sớm nhất ấy — vốn xuất thân nơi sân Trình của Khổng, nhưng không ưa thói « nhân cư » của bọn hủ nho. Ông bảo : « ngồi không chính là cội rễ của vạn điều tội ác » (1), và rất chuộng những sự thực dụng.

Quản Tử bảo : « Thương lắm thực nhi tri lễ tiết ; ư thực túc nhi tri vinh nhục ». (Kho đụn đầy, sau mới biết tiết lễ, áo cơm đủ, sau mới biết

vinh nhục).

Mạnh Tử cũng có câu : « Dân vô hằng sản, tư vô hằng tâm. Kỳ vô hằng tâm, phóng thích tả sĩ, vô bất vi dĩ. Cứu tử bất thiệp, hề hạ trị lễ nghĩa ! » (Dân không tiền của thường (hằng sản), tất chẳng giữ được lòng thường (hằng tâm : lòng lương thiện). Đã chẳng giữ được lòng thường, dễ sinh ra phóng đãng gian tà, chẳng điều gì không dám làm. Muốn cứu cho khỏi chết còn chẳng đủ sức thay, lo còn rồi đâu lo đến lễ nghĩa !)

Nguyễn Trường Tộ tuy không nô lệ cổ nhân, nhưng vẫn chủ trương theo cổ nhân : « ... Muốn dạy dân nhân nghĩa lễ tri tín, phải lo cho họ cơm no áo ấm đã » (2). « Gặp cơn đói khó cứu khỏi chết còn chưa kịp, còn nói gì đến lễ nghĩa. Cho nên xưa kia thầy Mạnh nói điều nhân, thường phải dựa vào hằng sản, đức Khổng nói điều tín cũng cho ấm no đã » (3).

Nhận xét như thế, rồi Nguyễn Trường Tộ « buồn rầu nhận thấy rằng các nhà nho học sách mà không hiểu nghĩa sách, vì theo kinh sử thì các bậc đại thánh cũng rất trọng thực dụng, chứ không chuyên về văn chương : như các vua Phục-Hi, Thâu-Nông, Hoàng-đế bày ra

đồ khi dụng, vua Nghiêu, vua Thuấn bày ra trăm nghề và chính đốn sáu kho » (4).

Nguyễn Trường Tộ bảo : « ... những người chỉ có tài văn chương, giỏi về lối khai, thừa, chuyển, hợp, giỏi về các dấu bình, thượng, khứ, nhập, thì chính làm no ấm mình họ còn chưa xong, huống chi làm no ấm cho người khác » (5).

Bọn hủ nho lười biếng, ích kỷ « khuyên nhau cứ học về môn văn chương, dù không có phận làm quan đi nữa, cũng khỏi phải ra lính như đàn bà, sẽ được thung dung tự tại » (6). Họ quên rằng : « Chỉ lấy một bài thơ, một lời nói hời có thể làm cho quân giặc thua được không ?

Nước ta hơn nửa thế kỷ trước, từ trong triều ra ngoài quận, từ thành thị đến hương thôn, đâu đâu cũng đầy đầy những mối tệ đoan, chỗ nào cũng là một tình trạng hủ bại mục nát, cần phải cải tổ.

Nguyễn Trường-Tộ chẳng những là người sáng suốt thời đó, mà còn rất nhiệt-thành với nước nhà.

Thế nào là nhiệt thành ?

Ta đọc Sử-ký, đến quyển Lý tướng quân thấy chép :

« Lý Quảng đi săn, trông thấy tảng đá lù lù trong đám cỏ, tưởng hổ. Dương cung bản, tên cắm phập vào tảng đá. Lúc lại gần xem, té ra là tảng đá chớ không phải cọp. Thử bắn lần nữa, thì không làm sao khiến mũi tên cắm phập vào tảng đá được. »

Xem đó đủ biết năng lực con người vô giới-hạn, không trình độ

Cùng các đại-lý

Mỗi khi các ngài làm relevé xin nhờ gửi trả lại cho cả các số báo còn lại về giả nhà báo để tiện sổ sách. Hiện bản chỉ cần mua lại số 4 và 5, nhờ các ngài viết giấy dán ở cửa hàng mua giùm cho. Hễ được nhờ gửi ra cho bản chỉ. Bản chỉ đặt tại các ngài lắm lắm.

TRI-TÂN

nhất định, chỉ tùy theo lòng nhiệt thành mà giới hạn và đặt trình độ thôi.

Ôi, động cơ nhỏ nhất, mà kết quả to tát làm sao.

Thế mới rõ: những bậc anh hùng, hào kiệt, nghĩa sĩ, những trang hiếu tử, liệt phụ, trung-thần cho đến các nhà tôn-giáo, chánh trị, mỹ thuật, thám-hiêm, sở dĩ gây nên được những huân nghiệp *kính thiên địa, khắp quí thần* đều nhờ ở lòng nhiệt thành cả.

Tây nho có câu: *Người đàn bà yếu thật, nhưng một khi làm mẹ thì rất mạnh*. Sở dĩ được thế là tình yêu con quá mạnh trong lòng người đàn bà. Thường nhật cam phận liễu yếu đào non, nhưng một khi vì con, người đàn bà rất khả dĩ chiến thắng trèo non vượt biển, lên thác xuống ghềnh, bất chấp hùm beo ma quỷ. Khả quí thay lòng nhiệt-thành ấy nó biến đổi được trình độ tâm tánh con người.

Ngày xưa: Châu thọ - Xương từ quan đi tìm mẹ. Vì nhiệt - thành yêu mẹ; Dự-Nhượng xả thân báo thù cho chúa vì nhiệt thành yêu vua; Gia-cát Khổng-Minh bằng lòng « *các cung tận tụy* » cho đến trọn đời vì nhiệt thành yêu Lưu-Bị — người tri kỷ.

Chiến-quốc sách có chép chuyện một kẻ cướp giết vàng giữa chợ nước Tề, bị bắt lấy khâu cung, nó bảo: « *khi giết vàng, tôi chỉ trông thấy vàng, mà ngoài ra chẳng thấy một ai cả* ».

Những bậc anh-hùng, hào-kiệt, nghĩa-sĩ, những trang hiếu tử, liệt-phụ, trung thần cho đến các nhà tôn giáo, chánh-trị, mỹ-thuật, thám-hiêm trong khi theo chủ nghĩa, noi tới mục đích để thường cũng có quan niệm « *chỉ trông thấy vàng mà ngoài ra chẳng thấy một ai cả* ».

Lòng ái-quốc nhiệt-thành của Nguyễn-Trường-Tộ khác nào lòng yêu con mãnh-liệt của người đàn bà yếu đuối, khác vào lòng con yêu mẹ của Châu thọ Xương bỏ quan tước đi tìm mẹ. Nguyễn Trường Tộ đã chẳng có lần từ quan lui về quê hay

sao? vì quan niệm ái-quốc của mình là phải đầu trong tước phẩm triều đình ban cho (10).

Lòng thương nước nhiệt thành của ông phát-lộ đầy đủ trong bản chương trình cải tổ quốc-gia nó là mấy bài đều trần do ông lấy tâm-huyết, mài mực viết dâng triều-đình.

« Trong bài điều-trần gửi cho cụ Phạm Phú-Thư nói về *Thiên hạ đại thế*, ông có một câu: « Ông Hàn-công xưa có nói: biết mà không nói là bất nhân, nói mà không hết lời là bất nghĩa. Nay tôi tuy ở chỗ giang-hồ mà lòng vẫn ở nơi đế-khuyết, lời không nở trông nước nhà chia-xẻ, trăm họ lưu-ly, dù chức phận thấp-hèn, cũng chẳng ngại tỏ bày đường-đốt » (11)

Chương-trình cải-tổ nước nhà của Nguyễn Trường-Tộ chú-trọng nhất việc khuyên nhà vua đừng nghe lời bọn quan lại hủ-nho mà bế quan tỏa cảng, hãy mau mau mở cửa tiếp-đón người Tây-phương, học lấy cái hay cái giỏi của người ta. Ông lấy làm lạ rằng: « Nước ta từ xưa việc gì cũng bắt-chước theo Trung-quốc, sao việc giao-thông với các cường-quốc lại khinh thị như chưa hề nghe thấy? » (12). Rồi ông dẫn chứng: « Nước Trung-hoa ở triều Minh vì phong-tỏa các cửa bể, nên bị người Âu đến đánh cho mấy trận kinh hồn. Nhưng từ triều Thanh người Tàu đã biết nhờ người Âu lập xưởng máy dạy tri xảo, chế đồ-đạc, đóng tàu-bè, mượn người Âu làm quan, để thay họ đi sắm các khí-cụ; lại đặt đại-sứ ở các nơi, phái sứ-thần đi các nước lớn để mưu cái chước liên-hiệp dọc ngang. » (13)

Nhưng tiếc thay, những lời thực thời tiên kiến ấy chỉ như tiếng gào trong bãi sa-mạc! Đến năm 1871, mấy tháng trước khi thọ-chung, Nguyễn Trường Tộ còn lo thỏa-hiệp cuộc tiếp-xúc Tây Nam. Thế mà chỉ không được toại, đến nỗi mang xuống tuyền đài niềm ân-hận không tan — bởi thấy không ai chịu nghe lời mình, để tâm đến tấm nhiệt-thành của mình!

Nguyễn Trường-Tộ trọn đời « *các cung tận tụy* » với nhà nước, nhưng

không được hân-hạnh như Gia-cát Khổng-Minh gặp người tri-kỷ, cho hả tấm lòng nhiệt-thành! Thế nên « *tục truyền trước khi ông mất, ở ngực có một cục cứng không tan; khi đã khâm liệm rồi, có một người bọ đến khóc ông và than-thở tiếc cho chí lớn ông không đạt được, thì tự-nhiên thấy máu thấm ra ngoài vải liệm, cái cục cứng lúc bấy giờ mới vỡ. Có lẽ chẳng đến lúc từ trần, ông còn uất-ức vì lòng ông không ai hiểu thấu* » (14).

Câu chuyện kể cũng huyền-hoặc. Nhưng ngẫm kỹ thì không phải là lạ, nếu ta nhớ tới câu chuyện cải-táng vua Lê Chiêu-Thống, một ông vua khốn đốn nhút trong các vua Việt-nam. Sử chép rằng « *khi đào đất lên để cải táng mà Cổ quân, thì thấy da thịt đã tiêu cả, chỉ còn có quả tim không nát, vẫn đỏ như thường* » (15).

KIỀU THANH QUẾ

1. Nguyễn Trường Tộ, trang 62.
2. Nguyễn Văn Từ - Ngọc: Nguyễn Trường-Tộ, trang 70.
- 3, 4. Lời nói của Nguyễn Trường-Tộ trong tác phẩm Từ-Ngọc, trang 70-71.
5. Nguyễn Trường-Tộ, trang 79.
6. Nguyễn Trường-Tộ, trang 33.
7. Nguyễn Trường-Tộ, trang 106-107
8. Nguyễn Trường-Tộ, trang 114.
9. Đoạn này bắt chước một đoạn sách *Ấm Bắp* của Lương Khải-Siêu, danh sĩ Tân.
10. Nguyễn Trường - Tộ, chương đầu.
11. Nguyễn Trường-Tộ, trang 22.
- 12, 13. Nguyễn Trường Tộ, trang 131.
14. Nguyễn Trường-Tộ, trang 26.
15. Trần Trọng-Kim, *Việt-nam sử lược*, quyển hạ, trang 129.

TÙY HƯNG**Đời vui**

Nào có gì đâu? Một vở tuồng,
 Một đôi mắt đẹp, ánh trăng suông,
 Hoa hồng cười nụ bên song cửa,
 Cũng đủ làm tiêu vụn nỗi buồn.

Từng cao, trong rậm, nhạc chim vang,
 Qua những vườn sương nắng chảy tràn.
 Ai rất hạt châu lên lá biếc,
 Đề làm choáng mắt cả trần-gian?

Vạn vật cùng chung một ý yêu:
 Bướm say hương dậy, gió nâng điều.
 Đò về bến cũ, chim về lờ,
 Người lại gặp nhau ở quán chiều.

Tôi hái hoa đồng nở dưới chân,
 Tưởng đời là cả một mùa xuân.
 Đông về hay hạ, hay thu đến,
 Tôi chẳng buồn qua lấy một lần.

BỬU-KẾ

Thê-kỳ tàn-tạ

Một thế-kỷ đang mờ trong khói lửa
 Cả toàn-cầu quần-quai cảnh hôn-mang;
 Ánh sáng trên đời còn đâu chói nũa!
 Than ôi, nhân-loại đến bước điêu-tàn!

Bóng dương đã tắt sau đời vàng nghệ;
 Ánh cuối-cùng là vĩnh-biệt trăm năm.
 Muôn loài sẽ tiêu-diêu theo thế-hệ:
 Còn gì đâu! cả nước với chim ngàn!

Không-gian chứa sẵn một mầm phá hoại;
 Địa cầu ngùn lửa ở tận thâm tâm;
 Đất sẽ tung ra muôn ngàn mảnh vụn
 Giữa những ngày gió thét với mưa căm.

Làm sao cứu nổi cảnh đời hấp-hối!
 Mỗi chiều băng-lãng buông ánh nắng vàng
 Là triệu-chứng của đời tàn đương trời,
 Của đời sắp về giai-đoạn hồng-hoang!

THÚY - MINH

Blao, Aout 1941

Dấu xưa

Nước xanh một dòng, tháp cao vài ngọn;
 Lòng rung không bến, biết ngừng nơi nao!
 Biết nơi nao hồn tử-sĩ?
 Phất-phơ qua còn thấy dấu xưa nào?
 Đường mòn quanh-quẽ,
 Tay người chia-rẽ,
 Xưa nay ai bước đã trùng ai!
 Gió mưa có mòn dấu xưa?
 Có làm tan-hoang lâu-đài?
 Hết thời còn ai viếng thăm!
 Rồi đây muôn năm,
 Khói dăng hương trầm,
 Dấu xưa âm-thầm...

XUYÊN-HỒ

Giăng đông

Cơn gió rét thời bay vạt áo đụp,
 Khách lữ hành bước vội quăng đồng không.
 Vầng giăng bạc trơ trơ trên gòai sấm,
 Tươi sáng mờ lạnh lẽo xuống đêm đông.

Lũy tre đen nằm dài xa tít,
 Ngang lưng chân, sương phủ trắng bóng bông.
 Mấy cây gạo giơ xương bên đường cái,
 Một quán tranh trống trải nép bên sông.

Đường thăm' thăm lần xa trong sương giá,
 Sông ngóng ngoè, thuyền vắng, nước mênh mông.
 Khách lữ hành cứ đi, đi không nghĩ,
 Giăng trên đầu, lẳng lẳng vẫn theo trông.

CÁCH-CHI

Lê văn - Duyệt là một thượng tướng đã có nhiều chiến - công oanh liệt trong các trận chủa Nguyễn-Ánh đánh nhau với Tây Sơn vào cuối thế-kỷ thứ 18.

Quán tại Mỹ-thọ (Nam-kỳ) Lê xuất thân từ yếm hoạn ngay lúc thiếu thời, đã theo chúa Nguyễn Ánh đi tị nạn, giữ chức thái-giám, dự các cuộc chiến đấu. Sự thắng bại với nỗi hiềm ách đã giúp Lê một bài học kinh - nghiệm về chiến lược vốn sẵn thiên-tài, lại thêm khối óc thông minh, chẳng bao lâu Lê được cử cầm quyền Đại-tướng đánh nhau với Tây-sơn Rồi từ đây cho đến khi cuộc chiến-tranh kết liễu, luôn luôn Lê đi tiên-phong, xông-pha tên đạn, treo gương dũng-mãnh cho quân đội soi chung. Ngoài ra, Lê lại lấy điều nhân xử dân nên được lòng quần chúng. Nhờ thế mà số dân theo về với Nguyễn không phải là ít.

Chúa Nguyễn-Ánh khởi binh từ Gia-dịnh xưng vương, sau nhiều cuộc thất bại, nhờ đức cha Bạch-Đa-Lộc đem các tướng sĩ Pháp và khí giới sang giúp, nên thế lực mỗi ngày một mạnh.

Tháng giêng năm Tân-dậu (1801) Nguyễn Vương sai Lê văn-Duyệt cùng Võ di nguy đem thủy quân vào đánh cửa Thi nại. Võ trúng đạn chết còn Lê ra sức xung-đột, đốt được cả tàu và thuyền của Tây-sơn, chiếm được cửa Thi nại. Sau lại hạ được thành Bình-dịnh.

Tháng năm (1801) Nguyễn vương đem binh ra đánh Phú

Xuân. Tiền quân đánh không lợi, vương phải sai Lê văn-Duyệt và Lê-Chất đem thủy-binh đánh tập hậu, mới chiếm được đồn Qui sơn, rồi thắng đường tiến đánh thành Phú xuân.

Quán Tây sơn tan vỡ. Nguyễn Triều thu phục được đó thành.

Trần Quang-Diệu và Võ Văn Dũng đương vây thành Qui nhơn, được tin Phú xuân thất thủ, liền sai tướng đem quân ra cứu. Nưng, ra đến Quảng nam, gặp quân Lê văn Duyệt kéo vào đánh chặn đường, quân Tây sơn phải lùi trở lại.

Tháng 3 năm Nhâm tuất (1802), quân Tây sơn bỏ thành Qui nhơn.

Tháng 5 (1802) Nguyễn vương sau khi thu phục được từ sông Linh giang vào đến Gia định, bèn lên ngôi đặt niên hiệu là Gia long.

Vua Gia long định ngự giá đi đánh Bắc hà, bèn sai Lê văn Duyệt và Lê Chất lĩnh bộ binh cùng thủy binh hai mặt cùng tiến.

Đi đến đâu, quân Tây sơn chưa đánh đã tan. Chỉ trong một tháng đã lấy được Thăng long và toàn hạt Bắc hà.

Vì có nhiều chiến công rực rỡ như thế, nên Lê văn Duyệt được thưởng tước quận công chức tả quân.

Vua Gia long lại phong Lê văn Duyệt làm tổng-trấn Gia định thành, thống trị cả năm trấn Phiên - can (địa hạt Gia định) Biên - hòa, Vĩnh - thanh (Vĩnh long và An giang Vĩnh tường và Hà tiên.

TẢ - QUÂN LÊ - VĂN - DUYỆT

NHẬT - NHAM

Trong mấy năm làm Tổng-trấn Gia-dịnh, Lê có quyền tuyển-bổ các quan-lại, có quyền-tiền-trảm, hậu-tấu. Thực là một cái đặc ân của vua Gia-long ban cho một vị công-thần đã bao phen vào sinh ra tử! Để giúp việc Tổng-trấn, có một vị phó Tổng-trấn đôi khi quyền-nhiếp sự-vụ và tại các trấn lại chia ra phủ, huyện, châu, có các quan tri-phủ, tri-huyện, tri-châu, coi việc cai-trị.

Bao nhiêu quyền-chính ủy-thác cho một vị võ-tướng, chắc vua Gia-long đã từng biết tài thao-lược của Lê Văn-Duyệt, một cái tài không những chỉ đủ điều binh khiển-tướng, mà lại còn có nhiều đặc-sắc về chính-trị nữa.

Vì vậy, trong khi cầm vận-mệnh thành Gia-dịnh, Lê văn luôn nghĩ đến tình dân vừa qua cơn binh lửa, nên hết sức mở-mang trong xứ. Lòng người ai cũng kính-phục. Uy chấn tứ phương.

Trước, vua Chân-lạp vẫn thần-phục vua Tiêm-la.

Đến năm Đinh-mão (1807), Nặc-Ông-Chân bỏ Tiêm-la về thần-phục vua Việt-nam.

Em Nặc-Ông-Chân là Nặc-Ông-Nguyên, Ông-Lam, Ông-Đôn muốn tranh quyền của anh, mới sang cầu-cứu Tiêm-la. Nặc-Ông-Chân chạy sang Tân-châu, dâng biểu cầu vua ta cứu viện.

Năm Quý-dậu (1813), vua Gia-long sai quan Tổng-trấn Gia-dịnh-thành là Lê - văn-Duyệt đem hơn một vạn quân đưa Nặc-Ông-Chân về nước.

Quán Tiêm-la không dám kháng-cự. Lê bắt phải rút hết quân khỏi thành Nam-vang, trả lại Nặc-Ông-Chân các kho-tàng cung-diện trước, khi về nước.

Nước Tiêm-la lưu quan giữ tỉnh Battanbang lấy cơ đề đất ấy phong cho các em Nặc-Ông-Chân. Lê đưa thư sang trách, quán Tiêm mới chịu rút về.

Lê dâng sớ xin xây thành Nam-vang và La-lâm. Xây xong, Nguyễn Văn-Thụy cùng 1000 quân ở lại bảo-hộ Chân-lạp, còn Lê thì lên đường về Gia-dịnh.

Năm Kỷ-mão (1819), vua Gia-long thăng-hà, thọ 59 tuổi, trị-vì 18 năm. Vua Minh-mệnh nối ngôi.

Năm 1830, Lê Văn-Duyệt xây xong thành Phan-an : Xây toàn bằng đá ong, thành cao và rộng, chung quanh có hào sâu.

Vua Minh-mệnh sùng đạo Khổng Mạnh, nên không ưa đạo mới, mới nghiêm-cấm và trừng-trị những người theo đạo Gia-tô.

Sắc lệnh ban-hành năm 1825. Lê vốn là người cương - trực, xét đạo Gia-Tô không có hại gì cho dân mà những người

theo đạo gia-tô không có gì đáng trách. Vả, Cha Bà Đa-Lộc là người có công giúp Nguyễn-riều khôi-phục giang-sơn, nên Lê không chịu thi-hành lệnh cấm truyền đạo Gia-tô tại Nam-kỳ.

Lê vốn là quan võ, tính-khí nóng nảy, lắm khi giữa triều-dinh, tấu-dối không được hợp-thể, nên vua Minh - mệnh vẫn không hài lòng. Chỉ vì Lê là một vị khai quốc công - thần, cho nên nhà vua cũng phải làm ngơ, không quở-trách.

Tới khi Lê văn Duyệt mất, vua Minh-Mệnh bãi chức Tổng trấn Gia-dịnh và đặt chức Tổng-đốc, Tuần-phủ, Bố-chánh, Án-sát, Lãnh binh như các tỉnh ngoài-bắc.

Nguyên trước Nguyễn-văn-Khôi, người ở Cao-bằng, khởi binh làm loạn, bị quan quân đánh đuổi, bèn xin ra thú. Lê văn-Duyệt tin dùng, nuôi làm con nuôi, cho lấy theo họ Lê mà gọi là Lê văn-Khôi, đem về Gia-dịnh, phong làm phó-vệ-ủy.

Bấy giờ Bạch-xuân - Nguyên là một người tham-lam tàn-ác, làm Bố-chánh Phan - an, muốn trị bọn dầy-tớ Lê Văn-Duyệt. Lê văn - Khôi bèn tự xưng làm Đại-nguyên-sứ, họp đảng Thái-công-Triều để chống nhau với Triều-dinh, Quan quân vật-vả non 3 năm trời, mới hạ được thành Gia-dịnh, bắt giết 1831 quân giặc, đem chôn một chỗ gọi là « Mả Ngụy » còn thủ phạm thì đóng cũi đem về Kinh trị tội.

Bình xong giặc Lê văn Khôi, vua Minh-mệnh sai phá thành

Phan-an, xây lại chỗ khác và xuống chiếu truy tội Lê văn-Duyệt.

Vua Minh - mệnh sai quan Tổng đốc Gia-dịnh đến mộ-địa Lê-văn-Duyệt san phẳng làm bình-địa và khắc bia đá : « *Chỗ này là nơi quyền-yêm Lê-văn-Duyệt phục-pháp* » để chính tội danh kẻ đã kbuất và tỏ phép nước răn kẻ quyền gian muôn đời.

Còn người thân-thuộc của Lê đều bị khép tội trảm giam hậu.

Du - khách qua thành Gia-dịnh chắc không quên tới viếng hương-hồn một vị khai-quốc công thần của triều Nguyễn : Lê-văn-Duyệt.

NHẬT-NHAM

Những ông Nghề triều Lê

Tiếp theo trang 5

3. — Lương như-Học người ở xã Hồng-lục, huyện Trường-tân (Gia lộc), đỗ thám hoa năm Đại bảo nhâm tuất (1442), làm quan đến đó tỵ sự. Hai lần vắng mệnh đi sứ. Lúc về dấy dân hai xã Hồng lạc và Liễu chàng học nghề chạm khắc ván in : đến nay dân hai xã ấy vẫn thờ làm tiên sư. Ông có biên chép bộ *Cổ kim chế từ tập*. Thọ tám mươi hai tuổi (theo *Dăng khoa lục*, quyển 1, tờ 4 a. và *Đại Nam nhất thống chí* (Tự Đức), *Hải dương tỉnh*, sách viết của Bắc-cổ, số A 69, tờ 64 a).

(Còn nữa)

Ứng Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Décembre

Tiếp theo và hết

2, tháng một, năm Tân-tỵ,
thứ sáu, 19 Décembre 1941

Ngày nay năm Quý-dậu (21-12-1873) Đại-ủy Francis-Garnier bị tử trận ở Ô Cầu-giấy.

3, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ bảy 20 Décembre 1941

Ngày nay năm Canh-tý (1540), Mạc Đăng-Dong tự trời mình, đến cửa Nam-quan xin hàng nhà Minh bên Tàu và xin dâng năm động ở Kim-sơn và La-phù (Quảng-yên, Bắc-kỳ).

4, tháng một, năm Tân-tỵ
chủ nhật, 21 Décembre 1941

Ngày nay năm Mậu-ngọ (1918) vua Khải-định xuống dụ bỏ lối khoa-cử cũ ở Trung-kỳ.

5, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ hai, 22 Décembre 1941

Ngày nay năm Quý-dậu (1873), quan Phó-Sứ Nguyễn Văn-Tường và Đại-ủy Philastre đi tàu D'Estrees đến Cửa-Cấm (Hải-phòng) định lên Hà-nội điều-đinh cái việc lôi-thời ở Bắc-kỳ.

6, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ ba, 23 Décembre 1941

Ngày nay năm Quý-dậu (1873) hơn 500 viện-binh Pháp ở Nam-kỳ ra tới Hà-nội.

7, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ tư, 24 Décembre 1941

Ngày nay năm Quý-dậu (1873) Hải-quân Đại-ủy Testard du Cosquer lên thay Đại-ủy Francis-Garnier thống xuất thủy, bộ binh-mã Pháp tại Bắc-kỳ.

8, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ năm, 25 Décembre 1941

Ngày nay năm Kỷ-tỵ (1509),

Giản-tu-công Oánh, cháu vua Lê Thánh-Tôn đốc-suất thủy bộ binh mã đánh vua Lê Uy-Mục ở núi Thiên-kiện (?)

9, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ sáu 26 Décembre 1941

Ngày nay năm Canh-tuất (10-12-1910), đúng 10 giờ rưỡi, ông Vam-Den-Born cưỡi chiếc tàu-bay « Farman » bay ở Sài-gòn. Đó là cuộc bay trước nhất ở nước Nam.

10, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ bảy 27 Décembre 1941

Ngày nay năm Quý-dậu (29-12-1873) quan Phó-Sứ Nguyễn Văn-Tường và Đại-ủy Philastre đến Hải-dương.

11, tháng một, năm Tân-tỵ
chủ nhật 28 Décembre 1941

Ngày nay năm Quý-dậu (30-12-1873), quân Pháp đóng ở Hải-dương được lệnh rút cả về Hà-nội và giao trả thành-trị lại cho quan ta cai-trị.

12 tháng một, năm Tân-tỵ
thứ hai, 29 Décembre 1941

Ngày nay năm Giáp-thìn (1725), ngày sinh cụ Hải-thượng Lãn-ông.

13, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ ba, 30 Décembre 1941

Ngày nay năm Tân-dậu (14-12-1861), quân Pháp chia binh làm 4 đạo tiến đánh tỉnh Biên-hòa (Nam-kỳ)

14, tháng một, năm Tân-tỵ
thứ tư, 31 Décembre 1941

Ngày nay năm Đinh-hợi (1287)

quan trấn ải biên-thùy là Trịnh-Triền phi báo về Trần-triều rằng giặc Nguyên bên Tàu lại sang quấy rối.

HẾT

Long-diễn NGUYỄN VĂN-MINH

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

Đã phát hành

THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ,... đều phải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng thức được hết cái hay, cái đẹp của thơ... Giá 0p.48

Sách TẾT của Quốc-Học Thư-Xã

TRĂM-HOÀ

Một cuốn sách xem TẾT, khác hẳn các sách, báo TẾT từ trước tới nay từ cách biên-tập tới cách trình-bày, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi-vị êm-dềm của ngày TẾT và của mùa XUÂN.

Có ăn TẾT với « TRĂM HOA » mới hưởng được hết các thi-vị của ngày TẾT. Gia-dình nào cũng phải có « TRĂM HOA » trong ngày TẾT (Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước tự giờ).

ĐƯƠNG IN

TÂM NGUYÊN

T Ừ - Đ I È N

Giấy thường	2 p. 80
Giấy bonffant	3 80
Giấy bonffant bìa vải chữ vàng	5 00

(Loại sách giấy bonffant dành cho các bạn đặt liền mua trước tự giờ, các hiệu sách không bán). Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HOÀ

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ - XÃ
16 bis Rue Tièn Tsín Hanoi

Nam - dương quần - đảo

 NHẬT-NHAM

NAM-DƯƠNG quần - đảo, gồm có các hải - đảo Sonde (Java), Madoura, Sumatra, Bornéo, Célèbes, Bali, Lombok, Florès, Timor, Moluques, Nouvelle Guinée, vãn vãn ở khoảng giữa Á-châu và Úc-châu, về miền nam Thái-bình-dương.

Diện tích 19 triệu cây số vuông và dân-số 607 triệu người (trong số đó có 24 2500 người Âu). Nam dương quần đảo trước kia là thuộc địa của Bồ-đào-nha, mãi đến năm 1600 mới thuộc về Hà-lan.

Người Hà-lan chiếm được một phần to trong các đảo Nam-dương, chung quanh quần đảo thuộc Hà-lan có Malacca về phía bắc, bẻ Toulou gần miền nam Phi-lật-tân về phía nam, Thái-bình-dương về phía đông, Ấn-độ-dương về phía tây.

Trong số hải đảo của Hà-lan, có hai đảo Madoura và Java là quan trọng hơn cả, với 13 vạn cây số vuông và 41 triệu dân. Còn ngoài ra gồm 177 vạn cây số vuông và 19 triệu dân.

Người ngoại quốc đến Nam-dương quần-đảo buôn bán rất nhiều : nào Âu-mỹ, nào Hoa-kiều, nào Ấn-độ, nào Á-rập, nào Nhật-bản, vãn vãn.

Nam - dương quần đảo đứng giữa chỗ ngã ba đường giao-thông các nước Âu-mỹ và Viễn-đông, cho nên người các nước đến đó rất đông. Vả, trong xứ, ruộng đất phì nhiêu, nông sản đã nhiều, mà lâm sản cũng lắm.

Nông sản chia làm hai hạng :

1.) Ruộng đất do người ngoại-quốc cấy cấy, hằng năm sản-xuất

nhiều thứ như đường, cao-su, trè, cà-phê, thuốc lá, vỏ làm rượu quinquina, dầu dừa, hàng năm xuất cảng một số quan trọng ;

2.) Người bản xứ cũng có xuất cảng nhiều thứ như gạo, ngô, sắn, khoai lang, dầu dừa, đồ gia-vị, bông...

Lâm sản gồm có các thứ gỗ quý như gỗ mun và gỗ lim.

Nghề chăn nuôi cũng rất phồn thịnh. Trong xứ hàng năm sản-xuất có tới 73 vạn ngựa, 3991 nghìn bò, 323 nghìn trâu, 916 nghìn lợn, 326 vạn dê, do đó mà số da trâu, da bò xuất cảng rất nhiều.

Nam-dương quần đảo lại có nhiều khoáng sản như thiếc ở hải đảo Bangka, và Billiton ; than ở Sumatra, Bornéo ; vàng bạc ở Célèbes, Sumatra ; dầu hỏa ở Moluques.

Theo chính sách mở rộng cửa cho hàng hóa ngoại quốc được tự do nhập cảng, chính phủ Nam dương đánh thuế nhập-cảng cũng như sản-vật bản-xứ xuất - cảng, không phân biệt nặng nhẹ, không miễn trừ gì cả.

Nhờ chính sách đó, việc buôn bán tại Nam-dương quần đảo ngày thêm thịnh vượng.

Ngoài ra, các thương gia ngoại-quốc đến đó còn được tự do hợp thành đoàn thể thương-mại. Các hội buôn ngoại quốc cũng được coi như các thương-đoàn bản-xứ, không phải chịu một thứ thuế ngoại phụ nào cả.

Vì vậy, người ngoại quốc di cư đến quần đảo miền Nam-dương, lập nhiều đoàn-thể để khai các mỏ hoặc mở nhiều ấp doanh-diễn.

Nhờ thế, nền kinh tế trong xứ

rất phát-đạt.

Nam-dương quần-đảo, ngoài những thuộc-địa khác của Hà-lan, là một xứ không những giàu về nguyên-liệu, mà lại còn có quan-hệ về chiến-sự với cái vị-trí ở miền nam Thái-bình-dương.

Mấy năm vừa qua, Nam-dương quần-đảo rất chú-trọng đến việc phòng-thủ, lập nhiều cơ-quan và tăng lực-lượng về việc quốc-phòng. Năm mới rồi, dự chi một số tiền bằng một phần tư ngân-sách để tăng sức phòng-thủ... Số lính mộ thêm nhiều hơn các năm trước. Chính - phủ Nam-dương quần-đảo mua nhiều phi-cơ, chiến-cụ tối-tân, lại tăng số tuần-dương-hạm, diệt-ngư-lôi và tàu ngầm, tổ-chức hải-quân, lục-quân và không-quân biệt-lập hẳn đối với chính-quốc, mà hiện nay, xứ Nam-dương quần-đảo cũng vẫn chú-ý đến việc phòng-thủ để giữ vững địa-vị trong Thái-bình-dương.

Cuối năm 1939, Âu-châu gặp nạn chiến-tranh, một cuộc chiến-tranh khốc-hại kéo dài mãi tới ngày nay chưa kết-liệu !

Nay Hà-lan đã thuộc quyền nước Đức là một nước trọng hiệp-ước tam cường. Đứng trước thời-cực, các cường quốc thế-giới đều chú-trọng đến số-phận Nam-dương quần-đảo, là thuộc-địa Hà-lan : một tài-nguyên vô cùng-tận giữa Thái-bình-dương !...

Nhật từ lâu vẫn là khách hàng của Nam-dương quần-đảo. Nhật cần mua nhiều nguyên-liệu của

CÁC NHÀ ĐẠI LÝ
vui lòng gửi trả nhà
báo ngay các số báo
còn lại từ số 1 đến nay.
Cảm ơn trước TRI-TÂN

Thống chế Pétain đã nói :

« Hỡi người Pháp và người
« Nam, không lúc nào bằng
« lúc này, phải nên cùng nhau
« sát cánh.

« Pháp Việt đồng tâm là
« điều cốt tử cho cuộc tương
« lai của Đông-pháp ».

Sứ ấy, nên vẫn coi xứ ấy, là nơi
căn-cứ để mở-mang kinh-tế miền
Nam Thái-bình-dương cũng như
Hải-nam và bán-đảo Mã-lai.

Tuy gần đây, cuộc điều-đinh
về kinh-tế giữa Nhật và Nam-
dương quần-đảo đã gặp nhiều
nỗi khó-khẩn đến nỗi chưa có
kết quả mỹ-mãn, nhưng Nhật
không thể đứng yên mà nhìn. Vì
thế Nhật quyết không để cho
nước nào can-thiệp mà thay đổi
tình thế ở Nam-dương quần-
đảo.

Hiện nay, ngọn lửa chiến-tranh
lan sang Thái-bình-dương. Chung
quanh Nam-dương quần-đảo,
mây đen bao phủ. Trong lúc
Thái-bình-dương ăm ăm sóng
gió, chẳng biết Nam-dương quần-
đảo còn có thể giữ được nguyên
tình-thế hay không ?

Tương-lai sẽ trả nhời cho số-
phận Nam-dương quần-đảo...

NHẬT NHAM

**Cùng các bạn đọc
chưa trả tiền báo**

Bản chí xét sỏ lại, thấy
còn nhiều bạn đọc suốt từ
số 1 đến nay vẫn chưa trả
tiền báo cho. Vậy giám
mong các ngài kíp mua
mandat gửi ngay về đề tiện
việc sỏ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Tin văn hàng tuần**ĐÔNG-DƯƠNG**

Tại phủ Thống-sứ Hà-nội, đã có
một cuộc hội-hợp các đại-biêu thể-
thao các tỉnh do Trung-tá thủy-quân
Ducoroy chủ-tọa.

Chính-phủ Pháp giúp 10 vạn đồng
vào việc dựng Đông-dương học-xá.

Các xe ô-tô, mô-tô, xe-đạp đi đêm
phải có chụp che bớt ánh sáng của
đèn.

Từ 14-12-41, Hội-chợ Hà-nội đóng
cửa từ 5 giờ rưỡi chiều.

Dân Đông-dương giúp hơn 2 triệu
bạc vào quỹ Cứu-tế nạn-nhân của
chiến-tranh.

Bắt đầu từ 15-12-41, sở Hỏa-xa đã
bãi bỏ mấy chuyến xe lửa.

Hội-đồng duyệt sách đã công-bố
danh sách các tác-phẩm được phép
dùng trong các học-đường Đông-
dương.

Trong tháng Novembre 1941, Bắc-
kỳ sản-xuất được gần năm nghìn
tấn ngô.

Đông-dương không tổng-động-
binh.

Đêm 11 Novembre 1941, hội Cercle
Annamite Nha-trang đã tổ-chức một
cuộc kỷ-niệm đệ nhất chu-niên vào
dịp ngày giỗ Hàn-mặc-Tử. Ông
Nguyễn-Đình có diễn thuyết nói về
đời và thơ của nhà thi-sĩ ấy.

QUỐC-TẾ

Quan Tổng-Trưởng bộ thuộc-địa
Platon mới được thăng-chức phó
thủy-sư Đô-đốc.

Nhật-Đức-Ý đã ký hiệp ước liên-
minh quân-sự đánh Anh-Mỹ.

Toàn-thể quốc-hội. Hoa kỳ đều
tán thành việc tuyên chiến với Đức
Ý.

Theo tin các báo hàng ngày về
cuộc chiến tranh Nhật-Mỹ-Anh, thì
tình hình hải-quân ở Thái-bình-
dương hiện nay lợi cho quân Nhật.

Nga thắng ở mặt trận Mạc-tư-
khoa và Anh thắng ở Bắc-phi.

Kính-cáo

Bản hội đã bốc xong 4 838 ngôi
mộ vô thừa-nhận ở trang Bạch-Mai
và đã quy cả vào một khu ở trang
ấy.

Bắt đầu từ trưa thứ bảy và ngày
chủ-nhật 20 và 21 Décembre 1941
tức là mừng 3 và mừng 4 tháng một
ta, bản-hội sẽ làm lễ hoàn thành và
làm một tuần chay phả-độ cho vạn
linh.

Vậy xin kính mời các chư vị hội-
viên cùng khách thập phương từ-
thiện xuống dự lễ cầu cho vạn linh
được siêu sinh tịnh-độ.

Hội Hợp-Thiện lai-cáo

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng

học trong bộ

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ'

漢文新教科書

soạn giả: LÊ-THƯỚC

Giải nguyên, giáo sư bậc thành - chung

Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p 60 — Cước 0p 38

Đề cho: hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi

Trước khi tranh giải thể-thao, phải nên sửa - soạn thể nào?

Từ trước tới nay, biết bao lực-sĩ, võ-sĩ, cầu-thủ... đã sửa soạn những trận tranh đua thể-thao một cách rất cầu-thả. Họ thường tới lúc « nước đến chân mới nhảy », cho nên có lắm người không chịu nổi các cuộc ganh đua, đến nỗi sau đó, phải mang bệnh vì đã cố dùng hơi sức quá độ. Họ tưởng nhầm rằng muốn cho mau khỏe trong một thời gian rất ngắn, thì phải tập gấp cho thật nhiều. Bởi thế mới có lắm người tập thái-quá trước những ngày tranh đua, không nghỉ một buổi nào, nên thường thấy lắm người phải bỏ dở cuộc thi, hay bị kém rất xa mà trong những ngày tập họ đều hi-vọng thừa sức để tranh giải một cách vẻ vang. Lại còn một hạng nữa liều lĩnh quá: một ngày tập những ba bốn buổi cốt để lấy lại sức cho những buổi chơi đêm. Nhưng nào có biết đến lúc nhập cuộc đua thì không làm sao theo nổi nữa, vì gân cốt đã lỏng cả rồi!

Ta không nên lấy làm ngạc-nhiên khi thấy một người « tuy có » luyện thể-thao mà lại hay ốm đau, thân hình hốc-hác, có những triệu chứng « nguy đến tính mệnh ». Vì sao? Chỉ vì họ tập theo hai lối kể trên.

Muốn tránh những tai hại gây nên bởi tập thể-thao không hợp phương pháp, ta phải biết qua về vấn đề sinh-lý và vệ-sinh một chút.

Phải biết rằng khi ăn no hay uống nhiều nước xong, nếu ra tập ngay cho « tiêu » thì chẳng mấy chốc ta phải thay dạ dày khác. Vì lúc đó máu phải tự

hiện ở dạ dày để giúp cho sự tiêu hóa.

Trước khi nhập một cuộc đua, hay tập thường ngày, nếu ta không biết làm cho máu và các bắp thịt « cử động » dần dần đã thì có khi hoặc bị rách thớ thịt, sai gân cốt, hay ngất đi vì quá tim, nơi phát máu, phải làm việc mạnh quá và đột ngột quá.

Trong khi tập nếu ra nhiều mồ hôi, chớ có đứng vào luồng gió cho mát, kẻo có khi phải bỏ mạng tức khắc vì « bị lạnh ». Những người cần thận tập xong, trước khi tắm, bao giờ cũng lấy khăn lau ráo mồ hôi, ủ quần áo cho ấm rồi mới đứng ra ngoài sân tiếp chuyện anh em thì không còn e sợ bị « gió » nữa. Nếu một khi tự-nhiên đang tập mà thấy người ngầy ngấy và mồm hơi dãn, không còn có hứng thú đến chỗ bãi tập nữa, thế là trong cơ thể ta bị mỏi mệt vì tập thái quá rồi. Vậy ta phải nên liệu nghỉ một ít lâu. Nếu cố sức tập mãi thì quả tim ta sẽ to ra, tiếng đập không đều, lúc nhanh lúc chậm và có khi « nghỉ » đập là khác nữa. Về ác quả này, có đến 6 phần 10 các thiếu-niên tập thể-thao mắc phải chỉ vì không chịu nghe lời các huấn-luyện viên khuyên bảo. Vả bệnh ấy lại đến từ từ, không có một triệu chứng gì như các bệnh đau khác, cho nên ít người biết mà lo đề-phòng.

Trái tim của các thanh-niên có sức co rãn khéo lạ. Song nếu bị ứng dụng thái quá, nó có thể rãn ra mãi mãi không thôi. Như vậy sự phát triển của thân thể sẽ ngừng lại vì thiếu máu

chạy vào các nguyên-tổ và cơ thể. Đến khi biết mình mắc bệnh đau tim, thì than ôi, đã quá chậm.

Ta không nên chỉ trông đến dáng điệu, hình-thức và phần biểu diễn của sự vận-động, nhưng phải để ý trước nhất những kết quả về phần sinh-lý.

Mong anh em ưa tập các môn vận động nên cần thận, đừng quá cậy tài và sức lắm để tránh cho làng thể-thao Việt-Nam cái nạn thiếu nhân tài.

Hoa-nam PHAN-KỶ-NÔNG

Phong-dao

(Tiếp theo trang 7)

Đã sinh ra kiếp đàn-ông,

*Đèo cao, núi thẳm, sông cùng,
quản chi!*

Thề phú. Thẳm nghĩa là thẳm-u sâu thẳm. Cùng nghĩa là cùng-kiệt.

Ý nói đã là tài trai, sinh ở đời, thì phải hoạt-động, mạo-hiêm, không hề lùi bước trước một trở-lực nào hết.

Vội-vội đèo cao ư? Cứ hoạt-động! Thẳm-thẳm núi sâu ư? Cũng hoạt-động! Sông cùng, thủy tận ư? Vẫn luôn hoạt-động! Thế là bức đại-trượng-phu đối với bất cứ những nỗi gian-nan hiểm-trở gì cũng không quản-ngại, miễn sao cho khỏi thẹn với hai chữ « tu mi » và khỏi mang tiếng là hư-sinh trong vòng trời đất.

HOA-BANG

Hai cuộc biểu - diễn lớn

đã mở một kỷ-nguyên mới cho Đông-dương

HỘI-chợ, đuốc Thề-thao.. đó là hai cuộc biểu diễn lớn lao đã mở một kỷ-nguyên mới cho Đông-dương, đã ghi hai độ đường đáng kỷ-niệm vào lịch sử của Liên-bang, dưới dấu hiệu « Pháp Việt phục hưng » của nước Pháp mới.

Ngọn lửa chiến-tranh đã nỏ bùng trên mặt biển Thái-bình-dương. Giải nước xanh lớn nhất của thế-giới chẳng còn xứng cái tên thái-bình. Nhưng Đông-dương vẫn sống yên-tĩnh, nhân dân chăm lo làm ăn trong phạm-vi riêng biệt của Đế-quốc để giữ tròn nhiệm-vụ là một phần tử trung thành, đồng-tâm.

Vì sau khi bãi chiến tháng Juin 1939, Đại Pháp không còn đánh « nước cờ » vào sự thắng bại của một cường quốc nào cả. Đại-Pháp chỉ lo sự phục-hưng cho đất nước, cho Đế-quốc. Bởi thế mới dựng nên một chương trình to rộng về kinh-tế, về thề-thao. Sự hưởng ứng nhiệt-thành của Đông-dương như thế nào, ta cứ trông vào hai cuộc biểu diễn lớn lao gần đây thì sẽ có một ý-niệm hài-lòng về sinh-lực của các dân tộc Đông-dương.

Từ Đế-Thiên cho tới Thăng-Long, xuất một giọt dài hơn 2000 cây số, dẫu dẫu thanh-niên khỏe mạnh cũng hăm hờ, vui vẻ dự vào cuộc rước đuốc, nêu một tấm gương sáng về sự đồng tâm hiệp-lực về thề-dục, và mở một kỷ nguyên phục-hưng cho phong trào cải-tạo nòi giống. Chúng ta có thể quyết rằng cuộc rước đuốc này sẽ có nhiều ảnh-hưởng sâu xa về giáo-dục quần chúng, về nghĩa đồng-tâm thống nhất nó

ràng-buộc các giống người của Liên-bang Đông-dương.

Rồi lại từ Vạn-Tượng, Nam-Vang, Lục-tĩnh cho tới Trung-Bắc kỳ đâu đâu cũng đua khéo tranh tài về dự cuộc hội-chợ triển lãm mà quan Toàn-quyền đã phác định, mặc dầu gặp những lúc khó khăn của đương thời. Vì các nhà cầm quyền muốn biết rõ hết cái năng lực về kinh-tế của Đông-dương trong phạm-vi sinh sống tự lực mình. Sự biểu diễn về kinh-tế ấy đã đạt quá hi-vọng và nêu một bằng cứ hiển nhiên về công cuộc tốt đẹp của Đông-dương dưới sự dìu dắt khôn-gioan của Đại Pháp.

Hai đại sự ấy đã chứng-lở thêm rằng nhân-dân Đông-dương vẫn tin cậy vào sự Bảo-hộ và vui lòng làm việc phận-sự một cách chu đáo. Đối với ngoài, Đại-Pháp có phải ký-kết thỏa thuận về phương diện phòng thủ, cốt là để giữ nguyên vẹn cho nền độc lập và kinh tế, nhưng không có ý khởi hấn, xung đột với ai cả. Đại-Pháp chỉ vì các dân thuộc địa mà làm tròn nghĩa vụ thiêng-liêng bảo hộ cho sự an-cư lạc nghiệp. Cho nên cái phương sách ấy chỉ là một sự tùy thời, một sự tôn-quyền. Nhân dân Đông-dương cũng thừa hiểu lẽ đó nên đã bình-tĩnh mà dự vào cuộc rước đuốc và hội-chợ triển-lãm, một lòng tin về con đường tương lai mà Thống-chế đã vạch sẵn cho Đế quốc cùng theo.

Cái nạn chiến-tranh đã nêu những gương ghê-sợ, tàn khốc cho thế-giới. Đông-dương tuy là cái « bao-lơn » của Thái - bình - dương », nhưng vẫn được sống

ngoài phạm vi lửa, sắt, thực cũng là một điều đại-hạnh của Trời cho. Đông-dương chỉ có hoài bão làm một cái « xưởng lớn » mà hai dân tộc Pháp Nam hợp tác một cách chặt chẽ, thân yêu. Đông dương không có trông mong về sự được thua của một cường quốc nào cả, và chỉ hiểu biết có một sự thực là làm tròn phận sự đồng tâm của một phần tử trong đế-quốc Pháp. Hai cuộc biểu diễn lớn lao gần đây đã chứng tỏ về sự thực ấy.

TRÚC-ĐỖNH

Mới xuất bản

MANUEL de CONVERSATION en français et Annamite

của
MÊ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện
tiếng Pháp cốt dùng
cho người Nam học
nói chuyện tiếng Pháp
hay những người ngoại
quốc biết tiếng Pháp
học nói truyện tiếng
Nam

Đủ các câu cần biết của hầu
khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20, cước thường 0p 06 gửi
bằng tem (cò) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY

195, phố hàng Bông Hanoi

Hộp thư

Ô. Hồ Chủ Quảng Ngãi. — Số 17 tôi
gửi cho ông 2 lần : 1 lần 10 số ngày
4-10-41, 1 lần 5 số ngày 15-10-41. Ông
mới tính giả tiền có 10 số. Lại ngày
23-10-41 tôi có gửi cho ông 2 số 1, 1
số 4, 1 số 7, 1 số 8, 2 số 9, 2 số 11,
1 số 13, 1 số 18, ông cũng chưa tính

Ô. Thịnh Vĩnh-gén — Cả hai lần
nhà báo có tiếp được.

LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ)

PHAN KHẮC-KHOAN viết

Các vai :

Chiêu-thánh hoàng-hậu (Lý Chiêu-Hoàng)

Trần Thái-Tôn

(Trần-Cảnh)

Trần Thủ-Độ

(Thái-sư, chú Trần Thái-Tôn, người đã bắt Trần Thái-Tôn bỏ Chiêu-thánh hoàng-hậu)

Trần-Liễu

(Anh rể Chiêu-thánh, người đã bị Trần thủ-Độ đem vợ gán cho Trần Thái-lôn sau khi Chiêu-thánh bị giáng)

1 Thị vệ

1 Nữ tỳ

1 Vị quốc-sư

(chùa Phù-vân)

HỒI THỨ NHẤT

Cảnh I (Cảnh trong cung. Trần-Thái Tôn nói một mình. Chiêu-Thánh hoàng-hậu núp nghe)
TRẦN-THÁI TÔN

Rực-rỡ quá, ngai vàng trong ánh rạng,
Uy-nghiêm sao lâu gác giữa bình-minh !
Nhưng lòng ta ray-rứt một u-tình :
Tìm không được trị-vì theo ý-nguyện.

Hương ân ái từ đây thôi hết quyền,
Đỉnh trầm rồi quạnh-quẽ khói lờn bay.
Một ngai vàng nào đủ được nồng say :
Lòng định hướng mà nẻo đã ngăn chận.
Ai thấu rõ hồn ta càng uất hận ?
— Một vì vua, quyền thế cả muôn dân,
Lẽ nào điên vì một mối tình xuân ?

Nhưng ngán nhẽ, mười hai năm ân-ái,
Mười hai năm, mười hai năm nếm-trải
Đủ mùi say, vị ngát của yêu-đương,
Mà ai hay phút-chốc đảo cương-thường.

Ta nữ phụ làm sao ? Ta nữ phụ
Người trao gởi tình xưa, cơ-nghĩa cũ ?
Người ta yêu từ tám tuổi ngây-thơ,
Người ta yêu, yêu mãi đến bây giờ.
Đến bây giờ,
Ta không ngờ,
Mây âm-u, bão lớn nổi tình-cờ...

CHIÊU-THÁNH (vào làm bộ tươi tỉnh, Trần-Thái Tôn giật mình gượng làm vui):

Xem thánh thề
Hôm nay bất thường chẳng, có lẽ
Hay làm sao ? tiện thiếp thấy âu sâu.
Nguồn-cơ kia thiếp không rõ vì đâu ?

TRẦN THÁI TÔN

Không, hiền khanh hỡi,
Có những lúc giờ xa mây gió nổi.
Mà, nơi đây cảnh vật cũng gây buồn.

Nước sông trôi, tuôn chảy tự trên nguồn
Nơi rừng núi hoang-vu ai thấu rõ ?
Trăm không thể cùng hiền khanh giải tỏ
Nỗi lòng buồn vô cớ buổi hôm nay !
Kìa khanh trông :
Trời hây-hây,
Đôi cánh nhận chung bay...

CHIÊU THÁNH

Nhận chung bay,
Nơi trời xa mây thấm nhuộm hây-hây,
Nhưng ai biết rồi đây cùng cách biệt.
Đôi nhận sẽ chia trời bay mãi mãi...

TRẦN THÁI-TÔN

Không, khanh ơi,
Đôi nhận rất chung tình,
Thề cùng nhau cùng chịu kiếp lênh-đênh.

CHIÊU THÁNH

Cùng chịu kiếp lênh-đênh.
Nhưng khi,
Nơi trời xa mây cuốn, gió lôi-đình ;
Đôi nhận sẽ rơi rời chia-rẽ,
Nơi sương gió mệnh-mang buồn quạnh-quẽ ;
Cánh chim trời nào phải sợi tơ đâu
Đề cùng se, cùng nối cặp nối đau.

TRẦN THÁI-TÔN (im lặng)

CHIÊU-THÁNH

Xin cúi lạy muôn trùng, tâu Thánh-thượng,
Thiếp đã rõ cơ-mưu người quốc-trượng
Thiếp đây đã quyết chí định hi-sinh...
Định hi-sinh
Trên đầu thơ vừa mười chín cái xuân xanh,
Định hi-sinh.

Mười hai năm duyên nghĩa ân tình
Mười hai năm, một niềm yêu thơ đại
Mười hai năm
Thiếp những tưởng còn lân lờn mãi mãi...

TRẦN THÁI-TÔN

Hiền-khanh ơi, Ái-khanh ơi,
 Trăm còn đương nấn-ná chẳng buông lời
 Lời đâu tả nỗi lòng ta cảm-tức ?
 Lời đâu tả, tim ta đương hăm hực ?
 Lời đâu, lời đâu
 Chỉ là lời suốt lệ, tiếng dòng châu.
 Ta chưa nở cùng hiền-khanh trao sự thực
 Vì khanh ơi, lòng ta đương thồn-thức
 Khanh vội-vàng, chỉ bấy, nở hi-sinh
 Hi-sinh sao, mười chín cái xuân xanh ?
 Không, khanh hỡi,
 Trăm thà quyết cùng khanh cùng chịu lỗi,
 Còn hơn là...

CHIÊU-THÁNH

Còn hơn là
 Cùng nhau đánh phải rẽ chia xa ?
 Nhưng quân-vương hỡi,
 Chẳng chấp cánh cùng nhau tung gió nổi,
 Thì đôi chim đánh rẽ lưa chia bay.
 Quân vương ơi,
 Bận lòng chi đến nữa tấm thân này.

TRẦN THÁI-TÔN

Không, khanh hỡi,
 Cơ-nghiệp ấy ta nào gây-dựng nổi !
 Ngày xưa,
 Khanh đã ngự trên ngôi cao vọi-vọi,
(Trần Thái-Tôn từ trên ngai bước xuống)
 Hạ-thần nay, đâu dám vọi vọng ân.
 Không, khanh ơi,
 Thà cùng khanh làm một kẻ thường dân...

CHIÊU-THÁNH

Không, quân-vương, còn sơn hà xã tắc ?

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng còn cả một tên gian-hùng lão tặc.

CHIÊU-THÁNH

Thiếp lo cho tai vách mạch rừng,
 Xin quân vương gìn-giữ hãy e chừng.

TRẦN THÁI-TÔN

Khi nghiệp đế không còn cao-quý nữa,
 Thì gươm giáo cùng muôn vòng binh-lửa
 Cũng không hề nao-núng được lòng ta ;
 Lâu đài đây là một bãi tha-ma...

CHIÊU-THÁNH

Nhưng nơi đây là xã tắc sơn hà,
 Là sinh-mệnh của thần dân tổ-quốc.

TRẦN THÁI-TÔN

Là tử-nhục, là cảm-hồn, nhơ-nhuốc...

CHIÊU HOÀNG

Là kiên tâm nhẫn-nại đề anh-hùng,
 Là hi-sinh cho vận-mệnh của non sông.

TRẦN THÁI-TÔN

Ta vẫn biết hi-sinh là vĩ-đại

Nhưng, ngựa lồng giây cương, thuyền non
 bánh lái,
 Ta khó lòng xây bương chèo phong-ba,
 Tuy ngai vàng là riêng của hai ta.

Cảnh hai

(Vẫn những người ấy, thêm Trần Thủ-Độ)

TRẦN THỦ-ĐỘ

(nói một mình)

Một tay ta,
 Gây-dựng cả sơn hà,
 Đã se-kết đôi « giây » duyên đảm-thâm ;
 Giây còn vững còn bền, ta biết lắm.
 Nhưng cũng đành chia đứt mối lương duyên :
 Bàn tay gang thép thẳng cả hoàng thiên ;
 Tim già quyết nung rèn cho rắn-cứng,
 Mong Trần-thị muôn năm còn đứng vững,
 Đề hiên-ngang,
 Cao phất ngọn cờ vàng
 Dưới vừng dương rực-rỡ ;
 Mặc những tiếng hờn van và nước-nở
 Trên ngai vàng và trong cả thâm-cung ;
 Lòng ta khi đã định quyết không rung.
*(Nghe tiếng Trần Thủ-Độ vào, Chiêu-
 Thánh vội lui ra)*

TRẦN THỦ-ĐỘ

(Với Trần Thái-Tôn)

Kẻ hạ-thần
 Xin cúi đầu bái tạ hoàng ân,
 Việc tấu đã lâu rồi, xin Thánh-thượng
 Hãy quyết thi hành ngay, đừng suy lượng.

TRẦN THÁI-TÔN

Trần thái-sư !
 Lòng trăm đã mang nặng khối sầu tư.
 Ta không nở
 Phụ tình xưa, quên nghĩa cũ
 Thái-sư còn...

TRẦN THỦ-ĐỘ

Nghĩ lại chút nào chẳng ?
 Thần đã thừa trí-lự đề kiên-căng,
 Hoàng-thượng khá yên lòng theo muội
 Làm trai phải rèn lòng, nung chí-khí !

TRẦN THÁI-TÔN

Thái-sư còn
 Nghĩ đến nghĩa quân-vương,
 Thì cho ta gìn-giữ chút cương-thường.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Giang-sơn là nghĩa cả,
 Lòng mong-mỏi của thần đây chỉ thỏa
 Những khi nào Trần-thị rất hiên-ngang,
 Đời đời mong gìn-giữ vững ngai vàng.
 Xin thánh-thượng ngự triều ra chính-diện
 Đề cùng với bá quan hội diện
(Trần Thái-Tôn cùng Trần Thủ-Độ đi vào)

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

SỐ 4

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

N GUYỄN Bái thở dài, cau mày nói :

— Đã đành chẳng may cho ta. Nhưng ta lại thương cho Liên-Tường tiểu-thư: thoát tay ta mà bị chết đuối, tấm thân ngà ngọc làm mỗi thom cho đàn cá, thật đáng tiếc thay. Và tức thay cho ta. Giới xanh kia nữ phụ ta đến thế kia! Sao không cho ta cùng nàng xum-hạp. Biết thế này, ta cỡi bao ngay từ lúc nấy... Ồi Liên Tường em ơi! Sao mà số chúng ta long-đong làm vậy!

Trần Ngũ ngồi nghĩ một lúc rồi nói :

— Bầm công-tử, không phải tại giới, tại số gì cả. Chỉ tại người đấy thôi! Tại một người!

Nguyễn-Bái hỏi ngay :

— Tại ai? Tại ai? mày nói mau!

— Bầm công-tử, việc quan trọng về nhà con xin thưa...

IV

Trần-Ngũ nói lửng một câu, làm cho cả bọn nơm nớp lo sợ. Nó mang bao cớ, bây giờ nó đổ tội cho ai mà chả chết. Thành thử từ đấy, ai cũng thin thít, không dám nói năng gì, chỉ áy náy lo cho thân mình. Ai cũng nghĩ rằng việc bí mật tất là ám chỉ một người nào trong bọn mình đây, nên nó không tiện nói ra. Còn Nguyễn-Bái cũng rất nóng ruột muốn biết ai là cái người đã phá tan sự vui sướng của hắn, đã đang tay rẽ thủy chia uyển đồ hắn phải khổ-sở thế này. Hắn mong mỗi biết tên, biết mặt để xả thây xé thịt con người ấy ra thì mới hả giận... Nhưng Trần-Ngũ nhất mực không nói, chỉ khất :

— Xin công tử cho về đến nhà đã. Việc quan-trọng và bí-mật lắm, nhớ ra một tí là hỏng hết!

Về nhà vào phòng riêng, đóng cửa cẩn thận rồi, Trần - Ngũ mới hỏi lại Nguyễn-Bái rằng :

— Công-tử thử nghĩ xem có ai biết chuyện này và tức công-tử mà cho người đón đánh không?

Nguyễn-Bái ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đáp :

— Không! chả có ai cả!

Trần-Ngũ nói :

— Con nghĩ ra rồi, công-tử ạ! Con chắc là tự Phan-công-Độ cả. Ta đi rồi, hắn biết ra mới sai bọn kia đuổi theo, hòng cướp lại, chớ nếu là quân cướp thật, thì chúng thấy quan thuyền tất phải trốn tránh chứ khi nào còn dám phạm đến ta. Công tử nghĩ có phải không?

Nguyễn-Bái nghĩ người ra một lúc rồi mới chép miệng đập tay xuống án nói :

—Ừ mà thật! Nếu thế thì tức cha chả là tức! Cầm cho Phan-Độ! Giận cho Phan-Độ! Một lý nữa ta đã bị hại về tay mi rồi, còn đâu! Thử này tất không đợi giới chung! Ta phải báo thù cho mi biết tay mới được!

Luôn mấy ngày đêm, Nguyễn-Bái nằm nhà nghĩ mưu kế. Nhân hỏi ấy có bọn Lê-Côn nổi loạn ở Kinh bắc, phản lại Mạc-vương, Nguyễn-Bái liền nắm lấy cơ hội ấy nói với cha vu tấu cho Phan-công-Độ tấu thông với giặc, âm mưu đánh đổ Cung-hoàng và Mạc-vương để lập vua khác. Mạc-đăng-Dung vốn tính đa nghi, lại thấy Phan-công-Độ là người có tiếng tăm, nên được lời tấu, Đăng-Dung cho thảo chế bắt

liền.

Tại hại cho Phan-công! Họa vô đơn chí, những điều thâm thương thì nhau mà đến với thân già!

Sau khi nhà mất cướp, bọn gia nhân về đông đủ cả soát lại không thiếu một ai, chỉ thiếu có Liên-Tường tiểu thư, tìm kiếm mãi không thấy. Đến khi bởi đồng gió tàn, thấy đồng sương vụn còn khét lén lết, không biết gian kế của chúng đánh lừa, cứ yên trí là tiểu thư đã chết cháy rồi. Cả nhà than khóc, kẻ sao siết nỗi đau lòng. Phan công bèn cho người nhặt lấy di hài khâm liệm tử-tế, táng tại bên hồ bán-nguyệt, rồi lập đàn làm chay siêu-độ cầu cúng suốt bảy ngày đêm.

Đàn vừa tan, Phan-Công vừa được ngày nghỉ ngơi cho khuây-khỏa nỗi buồn, thì có tin quan-quân đến, lão quan lại phải ra nghinh tiếp. Ba cái quan-thuyền đậu ở bến. Một toán quân cầm-y đi sau, một quan Đô-sát, cầm cờ tiết phụng đem chế-chỉ của Hoàng-thượng vào nhà. Phan-Công lập-tức sai bọn gia-nhân bày án-thư và tự-khi ra giữa sân quay về hướng Bắc, đủ nghi-tiết để tiếp rước chế-chỉ, tuy ngài đã biết trước cái việc sắp xảy ra cho mình và đã buột miệng :

— Thôi, hỏng rồi!

Vấn bình-tĩnh, ngài lấy áo triều phục và đội mũ đi bía, cầm hốt ra ngoài cổng đứng đợi. Đám quân đi rất nghi-vệ thông-thả. Đến cổng, Phan-Công quỳ lạy và đồng-dặc nói :

— Bái chúc Thượng quan giá lâm.

Viên Đô-sát không nói gì, tay cầm gươm cao lá cờ tiết, oai-nghiêm đi vào giữa sân; toán cầm-y đi theo sau. Đến chỗ án-thư, viên Đô-sát đứng dừng lại, dựng ngay ngăn cái cờ tiết và để chế-chỉ lên án. Phan-Công đến trước án, lạy bốn lạy, rồi quỳ đợi mệnh. Quan Đô-sát mở chế-chỉ ra, « ề » một tiếng rồi tuyên đọc to lên rằng :

« Thừa thiên hưng vận,

« Hoàng-đế chế rằng :

« Việc chính trị cốt ở yên dân, kẻ thần-tử phải hết lòng vì nước. Trong bốn cõi mà một nơi có loạn, ai manh-tâm tất đúng lẽ chịu hình. Cứ nay nơi Kinh-bắc, có bọn Lê-Côn ngồng cuồng bất đạo, phản lại qan-quân, cướp nạt trăm họ. Triều-dinh đã cử tướng tiễu-trừ. Mà xem ra thủ mưu phiến loạn, ẩn ở hai lòng, âm-mưu tiếm-vị lại chính là Phan-Công-Độ, vậy sai quan tước nữ hồi Kinh, tước hết phẩm-trật, tài sản sung công, để trừ mối lo sau. Khâm tai !

« Hoàng hậu Thổng Nguyên thứ sáu, tháng bảy, ngày... »

Viên Đô-sát tuyên đọc xong, Phan-Công run lấy-bầy, toát cả mồ hôi. Tức-thì bọn lính cầm-y sẵn vào, nắm lấy ngài, lột áo ra và trói gô lại, mắc gông vào cổ và bỏ vào cũi, khiêng ra thuyền. Còn ở trong nhà bọn lính khác đi kiểm-điểm đồ-đạc, vơ-vét hết cửa-cái. Đám gia-nhân thấy vậy, sợ-hãi chạy tán-loạn cả, đưa nào vớ được cái gì thì vớ. Phan phu-nhân và Tiểu-Lan — là con hầu thân-cận được coi như con vậy — cũng bị đuổi ra ngoài, chỉ mỗi người lấy được ít quần áo và ít tiền bạc để độ thân. Cửa-cái bị vơ-vét, đồ-đạc bị lấy hay phá hủy. Cái dinh-thự đẹp-đẽ kia phút chốc đã trở nên tiêu-diêu tàn-tạ dưới gót chân bọn lính bất-nhân ! Cái vỏ ngoài xác-xơ ấy chuyển giao cho quan Phân-phủ ở Phố Hiến quản nhận. Thóc lúa, súc vật hết thầy trị giá ra tiền để quan Phân-phủ bán lấy tiền nộp vào công-khố.

Nhiệm-phong đâu đấy rồi, bọn quan-quân giải Phan-Công về kinh trình tấu, đem giam vào ngục tối bạc với gông gỗ và rệp muỗi, khiến cho già chẳng chết đời sau hơn ba mươi năm trên hoạn-đồ giúp nước.

Phu-nhân và Tiểu-Lan lần sang tận Kinh-bắc, tạm trú ở nhà người em họ tu ở chùa Giác-ngộ bên Phượng-nhỡn.

Than ôi ! Đất bằng nổi sóng, một nhà chia tan, nông-nổi sinh ly, chỉ còn biết gào giời mà kêu khóc.

V

Liên-Tường tiễu-thư, từ lúc bị bắt nhét rỏ vào mồm, nhốt vào bao cói, nàng đã hiểu rõ cả cái tai hại đợi mình. Với óc thông minh nàng biết ngay là bọn cướp này do Nguyễn-Bái gây ra để hòng chiếm đoạt lấy nàng bằng võ-lực ! Nghĩ thế, nàng định liều cắn lưỡi tự-tử để khỏi bị nhục vào tay đứa vô-lương ! Nhưng không được, bởi rỏ đây mồm đã ngăn cản nàng làm theo ý muốn. Nàng đành nằm yên để cho nước mắt đầm đìa tuôn rơi !

Chợt thấy thuyền chòng chành hồi lâu rồi bao cói của nàng bị nhấc bổng lên, nàng tưởng mình đã đến lúc tận số ! Nhưng không. Với một đà nhảy mạnh « tòm » một cái, nàng đã chìm ngấm dưới giòng sông ! Tự nhiên trái với ý nghĩ lúc nãy, nàng cố nhoai để mong sống sót, bởi rỏ ở miệng vừa tung ra thì nước đã ủa vào, nàng cố ngậm miệng cũng không thể được. Giòng nước mạnh cứ cuồn cuộn lôi cuốn nàng đi, và đà nước mỗi khi run rẩy lại dồn nước vào miệng bắt nàng nuốt ừng-ực. Thành thử nàng càng cố gắng nhoai đạp, chống lại với nước, thì sức phản công của nước đập lại càng dữ-dội. Trong chốc lát, nàng chỉ còn là một cái thây người ngoan ngoãn trôi theo giòng nước cuốn và ba hồn chín vía đã tán mạn ra ven sông.

Trôi mãi, trôi mãi, sắc Liên-Tường tiễu-thư vướng vào cái chài quăng ngang sông của bọn thủy-cư đương làm việc buổi sáng, ngồi trên đầu mũi chiếc thuyền con cong ngược lên, một bác chài trẻ tuổi đang kéo chài lên thoăn thoắt, bỗng chùng tay lại và reo lên :

— Cá to lắm, anh em ơi !

Tức thời mấy cái thuyền khác đồ sộ cả lại. Bác chài trẻ lại cố sức co chài lên đến lưng chừng thì hoảng hốt bỏ ngay ra, và thét lên rằng :

— Ối giời ơi ! Xác chết đuối !

Mấy người khác nói :

— Rõ khi ! Rõ chài cho nó trôi

xuống đi !

Một ông cụ già đầu bọng ở đằng mũi thuyền vội chạy lại kêu !

— Ấy phải vớt người ta lên ! Mau mau ! Cứu nhất nhân đắc vạn phúc. Người ta đến với mình mà không cứu là phải tội mấy đời kia đấy !

— Chắc chắc ! chài cụ chỉ vẽ. Vừa mới buông chài chưa được gì đã gặp ngay của nợ, có rông mình thì có !

Một người trẻ trong bọn nói thế ông cụ vội mắng gạt ngay :

— Mau vớt người ta lên xem ! Các anh chỉ được cái thế, trẻ người non dạ chưa biết gì thì phải nghe lời chứ Thế nào là cứu phần, chứng nịch (1) Cả bọn ủa vào vớt lên, một người reo :

— A, đàn bà ! con gái !

— Con gái à ?

— Con gái ! úi giời ! cô con gái đẹp quá !

Hoài của thế này mà chết đuối, thật phí một đời xuân xanh ! Tôi vớt cô lên, cô phù hộ tôi lấy được người đẹp như cô nhé !

Ông cụ gât :

— Không được lão ! Vớt người ta lên thuyền, mau mau đưa vào bờ cứu cấp. NỮNG người chết đuối mà hãy còn chìm là vừa mới chết còn có cơ cứu được. Mau chèo thuyền vào !

Mấy cái thuyền băng băng rẽ nước vào bờ, bỏ mặc chài vương phao đứng ở giữa sông. Ông cụ vuốt ngực ắn bụng, nâng tay, lay mũi người bị nạn. Tay ông lạnh lẽo làm việc miệng ông nói như giảng cho mọi người nghe :

— Chỗ ngực còn hơi ấm-ấm, may ra có thể sống được ! Chèo mau ép thuyền vào ! Cô ấy uống phải nhiều nước. Bây giờ phải xỉ nhau mà vạc chạy mấy vòng cho nước nó hộc ra !.. Nào ép vào ! Thằng Cấn mày khỏe, sức cô ấy lên trước chạy đi..

Cấn còn đương ngần ngừ. Một chàng trẻ lâu tán nói ngay :

— Anh cố chạy đi, hể cô ấy sống tôi gả cô ấy cho anh.

Còn nữa

1) Cứu người bị cháy, vớt người bị đuối.

Phê-bình văn-học

Tiếp theo trang 2

giả. Cho nên môn phê-bình văn-học rất có quan-bê đến cuộc thịnh, suy của nền văn-học.

Ở Âu-tây, nghề phê-bình đã sớm phát-hiện rồi. Bắt đầu từ thế-kỷ XIV, nhà học-giả Boccaccio đã dụng công nghiên-cứu một cách sâu sắc, kỹ-càng, đối với các tác-giả của cận-dại, đã mở đầu cho nghề phê-bình.

Qua thế-kỷ XVIII, giáo-sư Gray cũng chú-ý đến môn nghiên-cứu ấy trong khi ông đang ngồi ghế giảng-dạy văn-học cận-dại ở trường Đại-học.

Nhà học-giả Lessing là một tay phê-bình rất lão luyện. Những tác-phẩm của ông đã gieo một ảnh-hưởng lớn trong văn học giới Đức.

Trên trang văn-học sử Pháp còn in tên tuổi nhiều nhà phê-bình :

Trước Saïnte Beuve (1804-1869), Boileau (1636 1711) đã phê-bình theo cái đích gồm hai ý : đặt ra những mực thước về nghệ-thuật và hứng-vị, phê-bình các tác-phẩm theo những mực-thước đó.

Cái quan-niệm phê-bình ấy còn tồn-tại ở đầu nửa thế-kỷ XIX. Người ta gọi nó là lối phê-bình độc đoán (critique dogmatique).

Khác với lối trên, Mme de Staël (1766-1817) theo lối phê-bình giải-thích (critique explicative) : khi phê-bình, thì diễn-dịch thay cho phán-đoán.

Nhưng lối phê-bình ấy không được trụ - trọng mấy. Người

ta kể đến lối phê-bình cảm thụ (critique impressionniste), lối phê-bình khoa học (critique scientifique) và lối phê-bình độc-đoán hay định-lý.

Hai nhà phê-bình Taine (1828-1893) và Ferdinand Brunetiere (1849-1907), đáng thì muốn cho thể phê-bình như người ta theo bác-vật-học, đáng thì có cái năng-lực ám thị rất mạnh, đều là những tay cự-phách trong phê-bình-giới Pháp.

Người mình không phải là không có óc phê-bình. Mà nghề phê-bình không phải không chớm nảy từ sớm. Ngay như trong phong-dao, ta thấy lối phê-bình văn-học đã phôi-thai rồi :

Văn hay chẳng lọ đọc dài,

Vừa mở đầu bài, đã biết văn hay.

Và :

Có đồ mà chẳng có thơm

Như hoa râm-bụt nên cơm cháo gì !

Ấy còn chưa kể những câu

như « hay thì khen, hèn thì chê » và « văn hành công khí » là khác...

Thề văn phê-bình ấy tuy phác sơ mấy nét mà có ý-tư vô cùng sâu-xa, mùi-mẽ vô-cùng mầu-mà đậm-thắm ! Nó, có thể nói, là thủy-tổ của lối phê-bình văn-học ở nước ta.

Tiếc rằng, về sau, vì lối học khoa cử làm cho nghệt-ngồi, nên nó chưa có dịp bùng-bột phát-đạt lên được.

Mãi đến khi đụng-chạm với văn-hóa tây-phương, chịu ảnh-hưởng của tư-tưởng Pháp, người cầm bút được viết theo những ý mình suy-nghĩ, không bị bó-buộc trong khuôn sáo trường-độc, không phải nhắm mắt nô-lệ cổ-nhàn, nên trong địa-bạt văn-học, phê-bình đã chiếm được một địa-vị riêng, đã gây được một lực-lượng đáng đề-ý...

Nhưng tương-lai nó đáng lạc quan hay phải bi-quan còn tùy ở những ngòi bút phê-bình hiện-thời chân-cánh hay thiên-vị, có thực-tài hay chỉ phù-phiếm, mơ-hồ...

HOA-BẮNG

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN

195, Phố hàng Bông, Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

MỆO CHỦ HÁN

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng cần phải xem

Giá 035 cuốn 0p.06

Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết (có trừ hoa hồng nhiều)

Ô - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng
của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ để đạt cái mộng
tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG - PHÁP

1\$00 một vé

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc
sống, bào chế, các thứ sâm, được tin nhiệm
xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng,
giá phải chăng.

MỠI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1-) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50

Chữa các chứng thận hư: di tinh,
mộng tinh khí hư

2-) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong
giá 1p.20

Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho
các bà, các cô.

3-) Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00

Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4-) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50

Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ
của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến,
200h Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ
52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-hưng-Tường
437 Ngã tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60
62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120
Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiền 81 rue
Harmand Hưng-yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố
Tiền-An Bắc-ninh. Nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng
Đa Hanoi

THOẢI-NHIỆT-TÂN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoải-Nhiệt-Tân
hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một
hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-
Khê giá 1p.50 đổ vào cửa mình là khỏi rút. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một
hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chọn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể uống hẳn được
mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như
thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép bọc ngang giới. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả
thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp
0p.60 cũng rút nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống
thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rút nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu
đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 78 Phố Hàng Bờ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biểu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh